

Số: /BC-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 đối với huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 263/QĐ-TTg, ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; số 320/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025; số 18/2022/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH, ngày 13/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khóa XX, nhiệm kỳ 2020-2025.

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: số 4176/QĐ-UBND, ngày 29/12/2021 về việc phê duyệt Đề án xây dựng NTM tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025; số 2193/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 về việc Ban hành Quy định cụ thể một số chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và phân công các Sở, ngành phụ trách, hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới cấp huyện.

Căn cứ đề nghị của UBND huyện Phú Bình tại Tờ trình số: 319/TTr-UBND ngày 3/11/2022 về việc thẩm tra, xét công nhận huyện Phú Bình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng huyện nông thôn mới trên địa bàn huyện Phú Bình, UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2022 đối với huyện Phú Bình, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: ngày 12/12/2022.

1. Về hồ sơ

UBND huyện Phú Bình đã lập hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 đầy đủ theo quy định tại khoản 2, điều 12, Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-

2025 gồm:

- Tờ trình số 319/TTr-UBND ngày 3/11/2022 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện Phú Bình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022.
- Biên bản cuộc họp của UBND huyện Phú Bình ngày 03/11/2022 đề nghị xét, công nhận huyện đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới năm 2022.
- Báo cáo số 467/BC-UBND ngày 03/11/2022 của UBND huyện Phú Bình về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2022 trên địa bàn huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.
- Báo cáo số 466/BC-UBND ngày 03/11/2022 của UBND huyện Phú Bình tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã trên địa bàn huyện đối với kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới.
- Báo cáo số 463/BC-UBND ngày 03/11/2022 của UBND huyện Phú Bình về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Phú Bình.
- Danh sách các xã đạt chuẩn nông thôn mới; đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; thị trấn được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh của huyện Phú Bình.
- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của huyện Phú Bình.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

2.1. Cấp tỉnh:

Trên cơ sở kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn huyện Phú Bình giai đoạn 2010-2020, đến hết năm 2020 huyện Phú Bình có 100% số xã đạt chuẩn NTM, tỉnh Thái Nguyên đã lựa chọn xây dựng huyện Phú Bình đạt chuẩn huyện NTM năm 2022 và được Tỉnh ủy Thái Nguyên đưa vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2020-2025, UBND tỉnh đưa vào Đề án xây dựng NTM tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025.

HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới, trong đó có cơ chế hỗ trợ riêng cho huyện đăng ký đạt chuẩn NTM.

Căn cứ Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh toàn bộ hệ thống chính trị của tỉnh đã cùng với huyện ủy, HĐND, UBND huyện Phú Bình tích cực triển khai thực hiện xây dựng huyện Phú Bình đạt chuẩn NTM năm 2022.

UBND tỉnh đã ban hành quyết định phê duyệt danh sách huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Phân công các Sở, ngành phụ trách, hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng huyện NTM.

2.2. Cấp huyện

Ngay sau khi Chương trình MTQG xây dựng NTM được triển khai, Huyện

ủy, HĐND, UBND huyện Phú Bình đã xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị; từ đó Huyện ủy chủ động xây dựng Chương trình số 06-CTr/HU, ngày 25/5/2011 “*Về xây dựng nông thôn mới huyện Phú Bình giai đoạn 2011-2015, định hướng đến 2020*”; Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01/2012 về Phong trào thi đua “Phú Bình chung sức xây dựng nông thôn mới”; Chương trình số 03-CTr/HU, ngày 24/7/2020 của Huyện ủy Phú Bình công tác toàn khóa của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVII, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Bình về việc thông qua Đề án Xây dựng huyện Phú Bình đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2022; kế hoạch phát động phong trào thi đua “**Phú Bình chung sức xây dựng NTM**” đến các cấp, ngành, địa phương và các tầng lớp nhân dân. Hàng năm, UBND huyện đã cụ thể hoá Chương trình xây dựng NTM thông qua việc ban hành Kế hoạch thực hiện hàng năm; Thành lập Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM ở các cấp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, lĩnh vực và các xã. Đồng thời, xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí đảm bảo cụ thể, xác định rõ mục tiêu, lộ trình phân đầu thực hiện từng nội dung, từng tiêu chí, phù hợp với tình hình của từng xã. Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên nhằm kịp thời khắc phục những thiếu sót; tuyên dương những cá nhân, đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức thực hiện Chương trình.

Chỉ đạo triển khai thực hiện lồng ghép các Chương trình, dự án, đặc biệt là trong công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu; các công trình đường giao thông nông thôn và kênh mương nội đồng, nhà văn hóa xóm sử dụng thiết kế mẫu, do đó giảm được đáng kể kinh phí đóng góp đối ứng của nhân dân.

Về công tác ban hành văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện: Huyện ủy, UBND huyện đã quán triệt đầy đủ các văn bản chỉ đạo, các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh về Chương trình xây dựng NTM; cụ thể hóa bằng các Chương trình, Đề án, xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng năm, từng lĩnh vực, đảm bảo thực hiện theo từng chỉ tiêu, tiêu chí, tiêu chuẩn trong xây dựng NTM. Ngoài các cơ chế chính sách của Trung ương, của Tỉnh, trong giai đoạn 2011-2015. Hàng năm, UBND huyện đã chỉ đạo ứng trước xi măng cho các xã để chủ động thực hiện xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn, đảm bảo tiến độ và kịp thời khích lệ động viên các xóm và các khu dân cư nông thôn tham gia đối ứng xây dựng nông thôn mới. Trong quá trình lãnh đạo, tổ chức thực hiện, Huyện ủy, HĐND, UBND và Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và hướng dẫn các ngành, các địa phương triển khai thực hiện, cụ thể đã ban hành trên 500 văn bản để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và các xã triển khai thực hiện.

Về xây dựng hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện: Bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng NTM được thành lập từ huyện đến xã, xóm và kiện toàn theo đúng quy định, đi vào hoạt động thống nhất, hiệu quả, phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong chỉ đạo triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các ban ngành, đoàn thể của huyện có sự phối hợp đồng bộ, thực hiện có hiệu

qua các mục tiêu, tiêu chí đã đề ra trong từng năm và từng giai đoạn.

Để đảm bảo cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn huyện, từ năm 2011 UBND huyện đã thành lập BCĐ Chương trình xây dựng NTM do đồng chí Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, thành viên là lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, các ban, ngành, đoàn thể có liên quan. Năm 2016, UBND huyện đã thành lập Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng NTM huyện Phú Bình gồm 06 đồng chí, trong đó: Chánh Văn phòng là đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện; Phó Chánh Văn phòng là đồng chí Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT); 04 thành viên là chuyên viên phòng Nông nghiệp và PTNT.

2.3. Cấp xã:

Mỗi xã thành lập 01 Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới xã (*do Đ/c Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban*), 01 Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã (*do Đ/c Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban*) và các xóm thành lập Ban phát triển xóm; mỗi xã phân công 01 cán bộ bán chuyên trách để tham mưu cho UBND xã quản lý, tổ chức thực hiện các nội dung Chương trình xây dựng NTM xã.

3. Về số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định

3.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 19 xã
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 19 xã
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 05 xã
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 26,3%.

3.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 01 thị trấn
- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 01 thị trấn
- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%

4. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã

4.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch

Quy hoạch được xác định là nội dung cần được triển khai trước một bước để định hướng cho xây dựng NTM, do đó huyện đã tập trung chỉ đạo và đến cuối năm 2012 các xã trong toàn huyện đã hoàn thành xong công tác lập quy hoạch và xây dựng đề án NTM được UBND huyện phê duyệt, ban hành quy chế quản lý theo quy định. Sau khi được phê duyệt đã tổ chức công bố, công khai quy hoạch và cắm mốc quy hoạch, quản lý thực hiện quy hoạch tạo điều kiện thuận lợi cho các xã trong việc triển khai thực hiện hoạt động xây dựng NTM.

Toàn huyện đã có 20/20 xã (kể cả 01 xã đã chuyển về thành phố Thái Nguyên) tiến hành hợp đồng các đơn vị tư vấn triển khai thu thập số liệu, khảo sát

đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội của địa phương. Trên cơ sở phân tích số liệu, lập dự thảo quy hoạch, các xã đều tổ chức lấy ý kiến tham gia của đảng bộ và nhân dân về việc lập quy hoạch xây dựng NTM. Ban chỉ đạo huyện đã thành lập các tổ công tác, xuống từng xã để nghe và góp ý kiến trực tiếp để đơn vị tư vấn cùng với UBND xã bổ sung vào đồ án quy hoạch, đảm bảo tính sát thực, phù hợp với điều kiện và tiềm năng lợi thế của từng địa phương.

Đồ án quy hoạch xây dựng NTM của các xã được các phòng: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế và Hạ tầng, Giáo dục - Đào tạo, Văn hoá và Thông tin huyện tham gia chỉnh sửa, thẩm định và trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt. Đến tháng 12/2012 đã có 20/20 xã được Chủ tịch UBND huyện ra Quyết định phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 (từ 01/8/2017 có 01 xã chuyển về TP. Thái Nguyên).

Trên cơ sở quy hoạch xây dựng NTM đã được phê duyệt, Ban Chỉ đạo huyện tập trung chỉ đạo các xã triển khai công tác lập Đồ án xây dựng NTM. Đến tháng 12/2013 đã có 20/20 xã được Chủ tịch UBND huyện Quyết định phê duyệt Đồ án xây dựng NTM. Các xã đã công bố, công khai rộng rãi và tiến hành cắm mốc giới theo quy hoạch được phê duyệt, thực hiện quản lý quy hoạch xây dựng NTM theo quy hoạch và đồ án đã được phê duyệt. 100% số xã đã xây dựng Quy chế quản lý quy hoạch. Trong quá trình thực hiện, do có nhiều biến động về phát triển kinh tế - xã hội và sử dụng đất các xã đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu của bộ tiêu chí mới và tình hình thực tế, phù hợp với các quy hoạch của huyện theo vùng, theo ngành, đảm bảo với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp; kết hợp xây dựng NTM với từng bước đô thị hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng, đã nhận được sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư nông thôn, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Căn cứ yêu cầu phát triển của giai đoạn 2021-2025, UBND huyện đã chỉ đạo các xã rà soát quy hoạch, đánh giá quy hoạch; điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương trong giai đoạn tiếp theo. Đến nay, có 19/19 xã đã được điều chỉnh, bổ sung quy hoạch được UBND huyện phê duyệt.

4.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

- Về giao thông: Năm 2011, tổng số km đường giao thông nông thôn đã được cứng hóa bằng bê tông, láng nhựa là 187,56/1.261 km, đạt tỷ lệ 14,87%. Tính đến tháng 12/2022, tổng số km đường được cứng hóa bê tông, nhựa hóa là 1.087,56/1.261km đạt tỷ lệ 86,2% (tăng 71,33% so với năm 2011). Hơn 10 năm xây dựng nông thôn mới, huyện đã tập trung huy động được trên 900 tỷ đồng để thực hiện cứng hóa, cải tạo nâng cấp được khoảng 900 km đường so với năm 2011. Các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện được các xã duy tu, bảo dưỡng kịp thời, đảm bảo cho các phương tiện đi lại thuận lợi. Cụ thể kết quả của toàn huyện như sau:

+ Đường trục xã, liên xã: Toàn huyện đã thực hiện nhựa hóa, bê tông hóa được 231/231 km đạt tỷ lệ 100%; các tuyến đường xã trong huyện chủ yếu là

đường giao thông nông thôn loại A; 100% đường từ trung tâm xã đến đường huyện đều được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo nền đường rộng tối thiểu từ 5 m, mặt đường rộng tối thiểu 4 m đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

+ *Đường trục xóm*: Toàn huyện đã thực hiện cứng hoá được 360/390 km đạt 92,3%; các tuyến đường trục xóm chủ yếu là đường giao thông nông thôn loại A, B đảm bảo nền đường rộng tối thiểu 4m, mặt đường rộng tối thiểu 3,5m, đảm bảo phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

+ *Đường ngõ, xóm*: Toàn huyện đã thực hiện cứng hoá được 280/320 km đạt 87,5%; các tuyến đường ngõ xóm chủ yếu đảm bảo nền đường rộng tối thiểu 4,0 m, mặt đường rộng tối thiểu 3,0 m; các tuyến đã đảm bảo thoát nước không gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa, phương tiện giao thông đi lại thuận tiện quanh năm.

+ *Đường nội đồng*: Toàn huyện đã cứng hóa được 170/320 km, đạt 53,1%; các tuyến đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

Kết quả tự đánh giá: Tính đến tháng 12/2022, 19/19 xã đạt chuẩn tiêu chí giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới; 05/19 xã đạt chuẩn tiêu chí giao thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao.

- *Về thủy lợi*: Triển khai và thực hiện tốt công tác thu hút đầu tư và huy động đóng góp của nhân dân để xây dựng các công trình thủy lợi. Hơn 10 năm qua, đã đầu tư xây dựng và cải tạo, nâng cấp trên 213 công trình thủy lợi. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng trên 450 tỷ đồng. Tỷ lệ diện tích tưới, tiêu chủ động đạt trên 80%. Đến nay, 19/19 xã đạt tiêu chí Thủy lợi.

- *Về điện*: Thực hiện lồng ghép các Chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn huyện; hệ thống điện nông thôn được quan tâm cải tạo, củng cố, nâng cấp cơ bản đảm bảo cung cấp điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân trên địa bàn toàn huyện. Trong 10 năm, đã xây mới, sửa chữa, nâng cấp được trên 50 trạm biến áp và trên 500 km đường dây tải điện với tổng kinh phí trên 300 tỷ đồng. Đến nay 100% số xã đã hoàn thành tiêu chí Điện.

- *Về trường học*: Trong giai đoạn 2010-2021 đã khởi công xây dựng, sửa chữa 110 công trình nhà lớp học với 945 phòng học, các phòng hành chính quản trị các trường; 52 văn phòng trường được xây mới, sửa chữa; 22 bếp với tổng kinh phí trên 500 tỷ đồng. Tổng số phòng học và phòng chức năng hiện có 1.404 phòng phục vụ công tác giáo dục của các trường Mầm non, Tiểu học, THCS trên địa bàn. (trong đó, kiên cố từ 2 tầng trở lên có 1.077 phòng); đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị cho gần 130 phòng chức năng; xây mới và sửa chữa 53 công trình vệ sinh trường học; mua sắm bàn ghế, máy tính, thiết bị dạy học thông minh hỗ trợ cho các trường.

Tỷ lệ kiên cố hóa lớp học trên địa bàn huyện đạt 100%, các trường đều được xây dựng nhà cao tầng phục vụ cho công tác dạy và học. Trên địa bàn toàn

huyện có 64/64 trường học và 01 trung tâm (Mầm non: 20, Tiểu học: 21, THCS: 20; THPT: 03; Trung tâm GDNN-GDTX: 01), đạt tỷ lệ 100% số trường có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia, tăng 66,2% so với năm 2010 (năm 2010 toàn huyện có 22/65 trường học, Trung tâm có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia, tỷ lệ 33,8%). Tính đến thời điểm 11/2022 đã có 21/64 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo các thông tư quy định về đánh giá ngoài và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trong đó có 09 trường THCS được công nhận theo điều kiện chuyển tiếp được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT); 01 trung tâm được công nhận kiểm định chất lượng mức độ 2.

Trường học các cấp có diện tích khuôn viên, nhà vệ sinh đạt chuẩn theo quy định; có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc học của học sinh và giảng dạy của giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Trang thiết bị dạy học được trang bị đáp ứng việc giảng dạy, học tập trong thời kỳ công nghệ số, phục vụ dạy học trực tuyến; đã và đang chuẩn bị tốt để đảm bảo các điều kiện thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo đúng lộ trình.

- Về cơ sở vật chất văn hóa:

+ Về trung tâm văn hóa - thể thao xã:

Năm 2011, huyện Phú Bình có 7/20 xã, đạt tỷ lệ 33,3% xã có nhà văn hóa, trung tâm văn hóa và sân thể thao đạt chuẩn. Từ năm 2011 đến nay, có 12 nhà văn hóa, trung tâm văn hóa xã được đầu tư xây dựng đạt chuẩn theo quy định. Đến nay, 19/19 xã, đạt tỷ lệ 100% xã có nhà văn hóa, trung tâm văn hóa đảm bảo diện tích, quy mô từ 240 chỗ ngồi trở lên (năm 2017, thực hiện điều chỉnh địa giới hành chính, xã Đồng Liên chuyển về thành phố Thái Nguyên, huyện Phú Bình còn 19 xã). Nhà văn hóa, trung tâm văn hóa các xã được trang bị đầy đủ các trang thiết bị gồm: bàn, ghế, trang bị âm thanh, ánh sáng, loa đài...; có các phòng chức năng theo quy định (hành chính; phòng đọc, thư viện; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ) và tổ chức hoạt động thường xuyên.

Trung tâm văn hóa - thể thao của các xã được đầu tư đã đáp ứng yêu cầu sinh hoạt văn hóa, tổ chức các sự kiện chính trị, văn hóa quan trọng của xã như: Đại hội Đảng bộ; tổ chức hội nghị; hội thảo; các hoạt động văn hóa, văn nghệ nhân các sự kiện chính trị trọng đại; tổ chức các hoạt động truyền thông; hoạt động vui chơi, giải trí... thu hút đông đảo nhân dân địa phương tham gia. Trung tâm văn hóa - thể thao cũng là địa điểm thuận lợi tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao của các tổ chức đoàn thể nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn; đáp ứng tổ chức tốt nhiều hoạt động văn hóa cấp cụm như: Hội thi "Tuyên truyền xây dựng nông thôn mới", Hội thi "Tìm hiểu kiến thức về gia đình và phòng chống bạo lực gia đình"...

Toàn huyện có 19/19 xã có khu thể thao, diện tích từ 1.000 m² trở lên, đảm bảo phục vụ tổ chức đại hội TDTT, các sự kiện lớn và hoạt động sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của người dân. 19/19 xã có khu vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi tại trung tâm văn hóa xã, điểm tập trung đông dân

cư; riêng xã Xuân Phương bố trí điểm vui chơi giải trí độc lập tại khu dân cư xóm Kiều Chính. Các điểm vui chơi, giải trí có lắp đặt từ 05 dụng cụ thể thao trở lên (trong đó có từ 02 - 03 dụng cụ dành cho trẻ em).

+ Về nhà văn hóa - khu thể thao xóm:

Năm 2011, toàn huyện có tổng số 296 xóm; sau quá trình chia tách, sáp nhập các xóm, đến nay toàn huyện có 261 xóm. 261/261 xóm có nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao, sân thể thao đơn giản. Trong đó: có 259 xóm đã xây dựng nhà văn hóa; còn 02 xóm (xóm Đảng, xã Dương Thành; xóm Làng, xã Úc Kỳ) chưa xây dựng nhà văn hoá (UBND xã Dương Thành, Úc Kỳ đã xây dựng kế hoạch xây mới nhà văn hoá; có biên bản cam kết giữa UBND xã và xóm. Các xóm đã bố trí quỹ đất. Về kinh phí thực hiện: từ nguồn ngân sách nhà nước và kinh phí xã hội hoá, đối ứng của nhân dân; trong đó, ngân sách nhà nước hỗ trợ 100 triệu đồng theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 05/10/2022 của HĐND huyện về việc thông qua kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch vốn năm 2022 và dự kiến kế hoạch vốn năm 2023 huyện Phú Bình (thời gian thực hiện năm 2023). Các xã lắp đặt từ 02 - 08 bộ dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở các điểm công cộng đủ điều kiện phục vụ nhu cầu luyện tập thể thao của nhân dân (mỗi bộ từ 05 thiết bị trở lên). Các nhà văn hóa xóm thường xuyên tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao; dành trên 30% thời gian hoạt động phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi, thu hút trên 50% dân số tham gia.

Nhà văn hoá, khu thể thao xóm đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân địa phương; là nơi diễn ra các hoạt động phổ biến khoa học kỹ thuật trong sản xuất cho nhân dân, tuyên truyền bảo vệ môi trường, tổ chức sinh hoạt chi bộ đảng, các tổ chức đoàn thể; là nơi phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu văn nghệ, thể thao ở địa phương... Trong dịp sinh hoạt hè hàng năm, nhà văn hóa xóm phát huy tốt hiệu quả là địa điểm sinh hoạt văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí cho thanh thiếu nhi. Vào dịp các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, của địa phương, nhà văn hóa là nơi diễn ra các cuộc giao lưu, liên hoan, hội diễn văn nghệ; giao lưu, thi đấu các môn thể thao chào mừng, tạo sân chơi lành mạnh cho nhân dân. Những năm gần đây, nhiều địa phương trên địa bàn huyện sử dụng nhà văn hóa xóm làm nơi tổ chức tiệc cưới cho các gia đình, góp phần thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa trong cộng đồng dân cư.

Ngoài ra, hiện nay trên địa bàn huyện có 102 nhà luyện tập, thi đấu thể thao (trong đó: 22 nhà thi đấu đa năng, 80 nhà thi đấu đơn môn); 19 sân bóng đá; 10 sân cỏ nhân tạo; 92 sân cầu lông, 58 sân bóng đá mini; 128 sân bóng chuyền; 6 sân bóng rổ; 09 bể bơi tư nhân... đáp ứng nhu cầu rèn luyện thể dục, thể thao của nhân dân.

- Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đến tháng 10/2022, trên địa bàn huyện hiện có 14 chợ đang hoạt động nằm trên địa bàn 13 xã, thị trấn, trong đó có 02 chợ hạng II và 12 chợ hạng III, trên 650 hộ kinh doanh thường xuyên tại các chợ, tổng diện tích sử dụng đất chợ trên địa bàn khoảng trên 51.000 m² gồm có:

+ Chợ Úc Sơn, thị trấn Hương Sơn, diện tích 3.982 m², chợ hạng II

- + Chợ Cầu Mây, xã Xuân Phương, diện tích 5.408 m², chợ hạng II
- + Chợ Tân Khánh - xã Tân Khánh, diện tích 3.828 m², chợ hạng III
- + Chợ Đồn - xã Kha Sơn, diện tích 7.000 m², chợ hạng III
- + Chợ Quán Chè - xã Nga My, diện tích 1.320 m², chợ hạng III
- + Chợ Bảo Lý - xã Bảo Lý, diện tích 3.713 m², chợ hạng III
- + Chợ Thanh Ninh - xã Thanh Ninh, diện tích 2.190 m², chợ hạng III
- + Chợ Tân Đức - xã Tân Đức, diện tích 9.040 m², chợ hạng III
- + Chợ Lũ Yên - xã Đào Xá, diện tích 3.400 m², chợ hạng III
- + Chợ Cầu - xã Nhã Lộng, diện tích 2.900 m², chợ hạng III
- + Chợ Hanh - xã Diềm Thụy, diện tích 4.670 m², chợ hạng III
- + Chợ Thượng Đình - xã Thượng Đình, diện tích 1.500 m², chợ hạng III
- + Chợ Đò - xã Hà Châu, diện tích 900 m², chợ hạng III
- + Chợ Đình - xã Xuân Phương, diện tích 1.850 m², chợ hạng III

Hoạt động của các chợ trên địa bàn huyện chủ yếu theo hình thức chợ truyền thống, họp chợ theo phiên $\frac{1}{2}$ ngày vào buổi sáng, bình quân mỗi chợ họp 12 phiên/tháng; riêng chợ Úc Sơn, thị trấn Hương Sơn và chợ Cầu Mây, xã Xuân Phương họp tất cả các ngày trong tháng (họp cả ngày). Mặt hàng kinh doanh tại các chợ trên địa bàn đa dạng chủ yếu như: hàng tạp hóa, quần áo may sẵn, thực phẩm tươi sống, thực phẩm chế biến sẵn, nông sản..., các chợ đều có ban quản lý tổ chức điều hành các hoạt động; bố trí bãi gửi xe đảm bảo an toàn, trật tự giao thông. Hệ thống chợ nông thôn trên địa bàn huyện đã góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo việc làm cho lao động nông thôn, đảm bảo vệ sinh môi trường và văn minh thương mại, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Trong giai đoạn 2011-2021, đã đầu tư, xây dựng, nâng cấp 6 chợ tại các xã, với tổng kinh phí trên 19 tỷ đồng. Đến nay, 19/19 xã đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

- Về thông tin và truyền thông:

Trên địa bàn huyện, 19/19 xã có điểm phục vụ bưu chính, có khả năng cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Các điểm phục vụ bưu chính đều có trang thiết bị để cung ứng dịch vụ; niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính của các tổ chức, cá nhân tại địa phương như: gửi nhận bưu phẩm, bưu kiện, chuyển phát nhanh, phát hành báo... Ngoài ra, điểm bưu điện văn hóa xã còn phục vụ các dịch vụ khác như: chuyển tiền nhanh, tiết kiệm bưu điện, chi trả lương hưu, trợ cấp và BHXH.

19/19 xã đều có đường truyền kết nối internet băng thông rộng về đến 261/261 xóm qua các mạng Viettel, Mobifone, Vinaphone... đáp ứng nhu cầu sử dụng của các tổ chức, cá nhân tại địa phương. 100% các xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng hai loại dịch vụ điện thoại (dịch vụ điện thoại cố định, dịch vụ thông tin di động) và có dịch vụ truy cập Internet theo quy chuẩn Quốc gia do Bộ

Thông tin và Truyền thông quy định. Toàn huyện có 150 trạm BTS (VNPT: 57 trạm, Viettel: 60 trạm, Mobifone: 30 trạm, vietnammobile: 3 trạm).

Trên địa bàn huyện, 14/19 xã có đài truyền thanh; 100% các xóm có hệ thống loa, cụm loa truyền thanh hoạt động thường xuyên, phục vụ tốt việc thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương (đối với 05 xã chưa có đài truyền thanh xã, huyện đã phối hợp với Sở Thông tin - Truyền thông tiến hành khảo sát cụ thể; hiện nay Sở Thông tin - Truyền thông đang lập dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư, dự kiến triển khai trong năm 2023).

Xác định việc phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số là nhiệm vụ trọng tâm, huyện đã tổ chức lắp đặt và đưa vào sử dụng hiệu quả hệ thống Hội nghị trực tuyến từ UBND huyện đến 100% các xã. Các xã đều có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và các phần mềm dùng chung như: quản lý văn bản, một cửa điện tử, chữ ký số, thư điện tử công vụ... 100% các xã có cổng thông tin điện tử, có cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tỷ lệ giải quyết dịch vụ công trực tuyến đến ngày 20/11/2022 đạt 60,44%.

- *Về nhà ở dân cư*: UBND huyện đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân tự xây dựng, chỉnh trang nhà ở xanh - sạch - đẹp, đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của nhà nước về hỗ trợ nhà ở; huy động, kêu gọi các tổ chức, các doanh nghiệp và thu hút các nguồn lực hỗ trợ nhân dân xây dựng, cải tạo nhà ở. Từ năm 2012 đến nay, UBND huyện đã tích cực triển khai hỗ trợ xây dựng sửa chữa được tổng số gần 1000 nhà ở từ các chương trình hỗ trợ cho các đối tượng, chính sách, hoàn cảnh khó khăn về nhà ở. Đến nay, trên địa bàn huyện có 34.145/35.893 nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng, chiếm tỷ lệ 95,13% cao hơn mức quy định yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; không có nhà tạm, dột nát.

Đến nay có 19/19 xã đạt tiêu chí Nhà ở dân cư.

4.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo

- *Về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản*:

Sản xuất nông nghiệp phát triển có nhiều bước phát triển quan trọng như xây dựng và thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; là huyện đầu tiên của tỉnh thí điểm thực hiện thành công “đòn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng lớn sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao” với tổng diện tích 226ha. Một số sản phẩm có thế mạnh của huyện được quan tâm phát triển, nâng cao chất lượng; bước đầu đã thu hút một số doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu nội ngành nông nghiệp tiếp tục tăng, chiếm khoảng từ 60 - 70%; trong đó chăn nuôi gia cầm phát triển mạnh. Kinh tế hợp tác xã, trang trại phát triển; trên địa bàn huyện hiện có 56 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; 18 tổ hợp tác và 161 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm. Từng bước hình thành các khu chăn nuôi tập trung gắn với quy hoạch nông thôn mới. Nuôi trồng thủy sản tiếp tục được quan tâm, phát triển ổn định với quy mô diện

tích 542 ha; sản lượng thủy sản năm 2021 đạt 3.615 tấn. Giá trị sản xuất ngành nông, lâm thủy sản năm 2022 đạt 2.443,3 tỷ đồng, tăng 1099,7 tỷ đồng so với năm 2010 (505,4 tỷ đồng).

Công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng được chỉ đạo tích cực; phát triển mạnh những cây có giá trị kinh tế cao. Diện tích trồng rừng mới đạt 360 ha/năm, bình quân hàng năm vượt cao so với kế hoạch. Ổn định tỷ lệ che phủ của rừng đạt 20%.

- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

Bước vào xây dựng NTM Phú Bình là huyện thuần nông, với giá trị sản xuất ngành nông nghiệp chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế (52,3%). Tuy nhiên, sau hơn 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM, kinh tế khu vực nông thôn đã có bước thay đổi tích cực; đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch mạnh mẽ, tỷ trọng ngành công nghiệp tăng lên đạt 55,6%, giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giảm còn 18,69.%; Đặc biệt bước vào giai đoạn 2021-2025; huyện Phú Bình đã quy hoạch và cập nhật vào quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 6 khu công nghiệp, 8 cụm công nghiệp với tổng diện tích gần 200 ha với giá trị sản xuất năm 2022 đạt 23.286 tỷ đồng; gấp 8,7 lần so với năm 2010.

Các hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng ngày một phát triển; giá trị sản xuất năm 2022 đạt 2.443,3 tỷ đồng, tăng 1937,9 tỷ đồng so với năm 2010 (505,4 tỷ đồng). Toàn huyện hiện có 09 làng nghề truyền thống và hơn 9000 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể. Bên cạnh sự phát triển về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; hoạt động dịch vụ cũng đạt kết quả tích cực, với tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ xã hội năm 2022 đạt 891,8 tỷ đồng, tăng 492.2 tỷ đồng so với năm 2010 (đạt 399,6 tỷ).

- Về thu nhập bình quân đầu người/năm và tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn của huyện.

Xác định phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân là nhiệm vụ cốt lõi xây dựng nông thôn mới bền vững, những năm qua huyện đã tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân. Trong phát triển sản xuất nông nghiệp đã tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đồng thời chỉ đạo các xã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, tăng cường đầu tư cơ giới vào sản xuất để nâng cao năng suất và hiệu quả lao động. Bên cạnh đó, thường xuyên đánh giá hiệu quả sản xuất của các hợp tác xã, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, nghiên cứu, đổi mới cách thức sản xuất phù hợp như: nâng cao chất lượng và xây dựng thương hiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ... để duy trì và mở rộng các HTX, ngành nghề nông thôn hoạt động có hiệu quả, tăng dần tỉ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế.

Ưu tiên bố trí các nguồn vốn tập trung đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ gia súc, gia

cầm, hỗ trợ các trang trại, các mô hình, dự án về chăn nuôi, thủy sản, cây ăn quả, hỗ trợ sản xuất lúa lai, mô hình trồng cây dược liệu, hỗ trợ cho công tác tiêm phòng gia súc, gia cầm và bảo vệ thực vật. Kết quả giá trị sản xuất nông lâm nghiệp ngày càng tăng; nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả; đa dạng hóa các ngành nghề, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Thu nhập bình quân đầu người chung toàn huyện năm 2021 đạt 63 triệu đồng/người, tăng 4 lần so với năm 2011 (đạt 15,7 triệu đồng/người/năm). Đánh giá: Đến nay, 19/19 xã (đạt 100%) trên địa bàn huyện đạt chuẩn Tiêu chí số 10 về Thu nhập.

Chương trình MTQG xây dựng NTM, góp phần quan trọng làm cho bộ mặt nông thôn huyện thay đổi rõ nét, kinh tế phát triển khá; các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục phát triển toàn diện, quy chế dân chủ ở cơ sở có nhiều chuyển biến, an ninh trật tự xã hội được tăng cường, hệ thống chính trị được củng cố kiện toàn, trình độ sản xuất và đời sống vật chất, tinh thần của nông dân được nâng cao rõ rệt, tình làng nghĩa xóm được khơi dậy, các hoạt động văn hóa truyền thống được khôi phục, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn toàn huyện giảm từ 15,35 năm 2010 xuống còn 5,4% năm 2021, 4,3% năm 2022 (giảm 1,1% bằng 169,2% chỉ tiêu tỉnh giao), tỷ lệ nghèo đa chiều toàn huyện năm 2022 còn 9,04%.

- Về lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ:

Cụ thể hóa Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020; UBND huyện đã xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch thực hiện đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; tăng cường đào tạo nghề trong lĩnh vực công nghiệp đáp ứng thị trường lao động tại khu công nghiệp trên địa bàn huyện. Phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại; mở rộng thị trường xuất khẩu lao động trong và ngoài nước tạo việc làm cho lao động nông thôn. Tổng số lao động qua đào tạo là 30.320/94.098 người, chiếm tỷ lệ 32,22%

- Về tổ chức sản xuất:

Tính đến hết năm 2022, toàn huyện có 56 HTX đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, 100% các HTX đều hoạt động theo luật HTX năm 2012 đảm bảo hiệu quả, trong đó có 20 HTX hoạt động được xếp loại khá trở lên, các HTX được chia theo lĩnh vực hoạt động như sau:

+ *Lĩnh vực trồng trọt*: Tổng số có 17 HTX với tổng số vốn điều lệ khoảng 20 tỷ đồng, các HTX này là đầu mối cung ứng giống, vật tư, dịch vụ đầu vào và hướng dẫn quy trình kỹ thuật cho các xã viên, người dân có hợp đồng liên kết với HTX đồng thời là đại diện cho các xã viên ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm hoặc tổ chức thu mua sản phẩm của xã viên. Điển hình cho loại hình HTX chuyên về trồng trọt có HTX Bình Minh xóm Náng xã Nhã Lộ; HTX có 26 xã viên, tổ chức sản xuất trên quy mô diện tích trên 10 ha, trong đó có 7 ha sản xuất đạt tiêu chuẩn có chứng nhận VietGap, có khoảng 2.000 m² nhà lưới, sản phẩm chủ yếu của HTX là: rau, củ, quả các loại. Các sản phẩm được thị trường đánh giá cao về chất lượng. Được các siêu thị trong và ngoài tỉnh tiêu thụ như siêu thị Aloha, Siêu

thị Lan chi - Mart..., tổng doanh thu hàng năm của HTX đạt khoảng 3 tỷ đồng/năm, đảm bảo mức thu nhập cho xã viên HTX và người lao động từ 5 - 6 triệu đồng/tháng. Ngoài ra còn một số HTX điển hình khác như: HTX Rau củ quả an toàn Dương Thành; HTX nông nghiệp Vạn Xuân.

+ *Lĩnh vực Chăn nuôi, Thủy sản*: Bao gồm 02 HTX Nuôi trồng thủy sản, 22 HTX Chăn nuôi với tổng số vốn điều lệ là trên 30 tỷ đồng. Các HTX chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản thường xuyên áp dụng các tiến bộ KH-CN vào trong quá trình chăn nuôi mang lại hiệu quả cao, tạo ra lợi nhuận lớn cho người chăn nuôi, các HTX chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản cũng tạo ra các chuỗi liên kết trong sản xuất từ khâu đầu vào đến tiêu thụ sản phẩm. Điển hình cho loại hình HTX này có HTX như: HTX gà đồi hữu cơ Tân Phú xóm Cà, xã Tân Khánh chuyên sản xuất gà thịt chất lượng cao Sản phẩm của Hợp tác xã là thịt gà, khô gà lá chanh, thịt gà sấy là một trong những HTX đi tiên phong trong ứng dụng công nghệ chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, hướng hữu cơ tạo ra chất lượng sản phẩm thịt gà, thơm, ngon, ngọt. Giá 1 kg gà được nuôi theo hướng hữu cơ cao hơn so với gà chăn nuôi thông thường từ 30 đến 40 nghìn đồng. Doanh thu của HTX là trên 2 tỷ đồng/năm, thu nhập bình quân đầu người 7 triệu đồng/tháng. HTX nuôi hươu Hội Cựu chiến binh Trọng Hùng xóm Tè xã Tân Hoà với quy mô 200 con hươu mỗi năm cho doanh thu trên 2 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người 12 triệu đồng/người/năm, sản phẩm chính của HTX là cao hươu, thịt hươu sấy, nhung hươu, giò hươu trong đó có sản phẩm cao hươu, thịt hươu sấy đã được công nhận đạt OCOP 3 sao năm 2021. HTX ngựa bạch xóm Phẩm xã Dương Thành với quy mô hơn 300 con ngựa bạch với sản phẩm chủ lực là thịt ngựa, giò ngựa, cao ngựa bạch, phôi ngựa ngâm mật ong trong đó có sản phẩm Cao ngựa Bạch Trường Nguyên đã được công nhận đạt OCOP 4 sao năm 2021 với doanh thu trên 6 tỷ đồng/năm đã tạo công ăn việc làm cho 54 lao động với mức thu nhập bình quân 11 triệu đồng/tháng. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có một số HTX hoạt động hiệu quả cao như: HTX Tân Tiến, HTX chăn nuôi gà Đông Thịnh,...

- *Lĩnh vực Dịch vụ tổng hợp*: Ngoài các HTX hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, trên địa bàn huyện còn 15 HTX Dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp, lĩnh vực hoạt động của các HTX là cung ứng các dịch vụ phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp đem lại công ăn việc làm cho hơn 500 lao động với mức thu nhập bình quân gần 5,5 triệu đồng/tháng/người. Một số HTX điển hình gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn huyện tiêu biểu như: HTX Dịch vụ Nông nghiệp Hồng Kỳ xóm Ngoài xã Úc Kỳ đã bao tiêu toàn bộ sản phẩm thóc Nếp Thầu Dầu cho 22 xã viên của Hợp tác xã và liên kết với các hộ dân ngoài Hợp tác xã, sản phẩm chủ lực là Gạo Nếp Thầu Dầu, Tương nếp Hồng Kỳ, tương Úc Kỳ, sản phẩm của Hợp tác xã đã được tiêu thụ tại thị trường trong và ngoài tỉnh như siêu thị Dfood tại Hà Nội, các nhà hàng ẩm thực,... Doanh thu đạt 2,5 tỷ đồng/năm, đem lại lợi nhuận khoảng hơn 250 triệu đồng/năm, tạo công ăn việc làm thường xuyên cho các thành viên với mức thu nhập khoảng hơn 6 triệu đồng/tháng. Bên cạnh đó để tạo dựng thương hiệu và nâng cao chất lượng sản phẩm, Hợp tác xã còn có các sản phẩm đăng ký tham dự thi OCOP năm 2022 như Gạo Nếp Thầu Dầu, tương nếp Hồng Kỳ,

Tương Úc Kỳ. Ngoài ra còn một số HTX hoạt động trên lĩnh vực dịch vụ tổng hợp hoạt động có hiệu quả như: HTX Quang Hà; HTX Đỗ Viện,...

4.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

- *Về giáo dục và đào tạo:* Chất lượng giáo dục Mầm non từng năm đều được nâng lên, huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt tỷ lệ 21,82 %, có 95,23% trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được huy động ra lớp, trong đó trẻ mầm non 5 tuổi đạt 100%; trẻ ra lớp được ăn bán trú và được kiểm tra sức khỏe định kỳ. Hàng năm, 100% trẻ 6 tuổi được vào lớp 1, không có học sinh Tiểu học bỏ học. Đến nay, 20/20 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục THCS có 18/20 xã, thị trấn đạt mức độ 3, còn 2/20 xã đạt mức độ 2. Duy trì 100% các xã, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt trên 99,5%, trong đó số học sinh đi học tiếp THPT, TTGDNN-GDTX và các trường nghề trong tỉnh luôn đạt trên 80% (*năm học 2021-2022 đạt 89,67%*). Chất lượng thi vào lớp 10 THPT, thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh và thi học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh nhiều năm liền xếp thứ 4/9 huyện thành của tỉnh (*học sinh giỏi văn hóa năm học 2021-2022 xếp thứ 4 toàn tỉnh*). Có 20/20 Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá xếp loại từ khá trở lên (*năm học 2021-2022 có 18/20 Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá xếp loại tốt*)

- *Về y tế:* Cơ sở vật chất và mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, đầu tư nâng cấp trang thiết bị nhằm phục vụ tốt việc khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân ở khu vực nông thôn, công tác kiểm soát và giám sát dịch tễ được chủ động triển khai và không để dịch bệnh lớn xảy ra. Các hoạt động thuộc chương trình mục tiêu y tế quốc gia được triển khai thực hiện có hiệu quả (*sức khỏe môi trường, y tế học đường, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em,...*); tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế luôn đạt theo quy định và hoàn thành các chỉ tiêu được giao. Đến nay 19/19 xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế.

- *Về văn hóa:* Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” gắn cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” được đẩy mạnh, mang lại hiệu quả thiết thực, tỷ lệ gia đình văn hoá, khu dân cư văn hoá ngày càng tăng. Năm 2022, có 94,17% (35.370/37.571) gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hoá; 97,1% (268/276) khu dân cư đạt khu dân cư văn hoá. 100% các xóm xây dựng hương ước, quy ước, được UBND huyện phê duyệt theo quy định. Nội dung hương ước, quy ước của các xóm được niêm yết tại nhà văn hóa xóm và được phổ biến đến toàn thể hộ gia đình trong xóm, lồng ghép trong thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”.

Toàn huyện hiện có 284 câu lạc bộ thể dục, thể thao, dân vũ. Các xóm đều có câu lạc bộ văn nghệ duy trì hoạt động thường xuyên, thu hút sự tham gia của đông đảo người dân, tạo thành phong trào văn nghệ, thể thao rộng khắp, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần của người dân. Tỷ lệ người dân luyện tập thể thao thường xuyên năm 2022 đạt 46%. 100% các xã đều xây dựng được mô hình, câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình và địa chỉ tin cậy tại cộng đồng. Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn huyện chưa xảy ra các vụ bạo lực gia

đình bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý hình sự.

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá gắn với phát triển du lịch từng bước phát triển. Huyện Phú Bình có hệ thống di tích lịch sử, văn hóa phong phú và đa dạng, bao gồm 291 di tích đã được kiểm đếm; trong đó 56 di tích được xếp hạng (gồm 07 di tích xếp hạng quốc gia và 49 di tích xếp hạng cấp tỉnh), là cơ sở để phát triển du lịch tâm linh trên địa bàn huyện. Công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được huyện và cơ sở quan tâm. Trong giai đoạn 2011 - 2022, có 24 di tích trên địa bàn huyện được tu bổ, tôn tạo với tổng kinh phí trên 72 tỷ đồng; trong đó: ngân sách nhà nước trên 28 tỷ đồng, nguồn xã hội hoá trên 44 tỷ đồng. Hàng năm, các di tích trên địa bàn huyện đón hàng vạn lượt du khách đến thăm quan, dâng hương. Tiêu biểu như di tích Đình Phương Độ, cụm di tích ATK II Kha Sơn, di tích Đình - Đền - Chùa Cầu Muối...

Trên địa bàn huyện có 64 lễ hội truyền thống được tổ chức hàng năm, trong đó lễ hội Đình Phương Độ được vinh danh là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia; lễ hội Đình - Đền - Chùa Cầu Muối tổ chức quy mô cấp huyện; 08 lễ hội tổ chức quy mô cấp xã và 55 lễ hội có quy mô cấp xóm. Trong những năm qua, các lễ hội được tổ chức đảm bảo an toàn, đúng quy định, giữ gìn được những nét đẹp truyền thống như nghi thức tế lễ, cầu khao và các trò chơi dân gian được phục dựng lại như: Vật, chọi gà, đánh cờ người, thi gói bánh chưng, bánh dày..., thu hút đông đảo du khách đến tham quan, tặng nguồn thu cho di tích.

Thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang trên địa bàn huyện có chuyển biến tích cực. Các thủ tục trong việc cưới, việc tang tiến hành theo hướng gọn nhẹ, văn minh, tiến bộ. Các đám cưới tổ chức theo nếp sống mới, nhiều đơn vị đã vận động tốt công tác tổ chức cưới tại Nhà văn hóa xóm, không ăn uống linh đình kéo dài, không mời thuốc lá, sử dụng âm nhạc lành mạnh. Việc tang được thực hiện đúng quy định, khi có người chết, không để quá 48 giờ mới tổ chức an táng; trường hợp chết do có bệnh truyền nhiễm đã được tổ chức an táng ngay, các hủ tục lạc hậu đã được xóa bỏ. Việc dùng hình thức hỏa táng trong đám tang đang được khuyến khích, nhân rộng.

- Về môi trường và an toàn thực phẩm: Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường được các cấp ủy, chính quyền các địa phương tập trung chỉ đạo. Thành lập các tổ chức phân loại, tự xử lý rác thải ngay tại gia đình; vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật được thu gom, đưa vào nơi quy định. Hỗ trợ các xã về phương tiện, trang thiết bị phục vụ vệ sinh môi trường. Tăng cường kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn về vấn đề xử lý nước thải, rác thải. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG về nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn. Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 96,3%. Các xã, xóm đã đưa nội dung bảo vệ môi trường ở khu dân cư vào hương ước, quy ước của xóm, một số địa phương đã thành lập các tổ thu gom rác, vận động các hộ gia đình đào hố tự phân loại và xử lý rác tại gia đình...Đến nay có 19/19 xã đạt chuẩn tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm.

4.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an

ninh, trật tự xã hội:

- Thường xuyên chỉ đạo nhằm nâng cao chất lượng, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các tổ chức đảng; thực hiện tinh giản biên chế đối với những cán bộ, công chức không đảm bảo tiêu chuẩn; tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức đúng quy định. Đẩy mạnh quy hoạch, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức xã đạt chuẩn, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt, đảm bảo đủ năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện thành công Chương trình xây dựng NTM. Quan tâm hơn đến công tác xây dựng Đảng bộ, Chính quyền xã đạt chuẩn theo tiêu chí. Đến nay có 19/19 xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt phong trào "*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*". Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, quan tâm giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc ở nông thôn. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, giảm tai nạn giao thông. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn các âm mưu, hoạt động chống phá, giữ vững ổn định chính trị, an ninh nông thôn. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp", hoàn thành tốt công tác huấn luyện dân quân, tự vệ và các chỉ tiêu quốc phòng.

5. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí huyện nông thôn mới

5.1. Tiêu chí số 01 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch theo chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

- Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

+ UBND huyện Phú Bình đã tổ chức lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040 được UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch tại Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 14/12/2022.

+ Tiêu chí 1.2. Dự án Đường nối Quốc lộ 37 đến cầu vượt sông Cầu (Đoạn km0+00 - km1+300) và Dự án Đường nối Quốc lộ 37 đến cầu vượt sông Cầu (Đoạn km1+300 - km²+268,86) và Công trình nhà văn hóa đa chức năng (giai đoạn 1) thuộc Dự án Quảng trường trung tâm huyện Phú Bình là công trình hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện.

- Các nội dung, khối lượng thực hiện:

+ Tiêu chí 1.1. Hồ sơ quy hoạch đã được Sở Xây dựng thẩm định xong, và trình UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt. Trong đồ án quy hoạch đã xác định Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện.

+ Tiêu chí 1.2. Dự án Đường nối Quốc lộ 37 đến cầu vượt sông Cầu (Đoạn Km0+00 - Km1+300) và Dự án Đường nối Quốc lộ 37 đến cầu vượt sông Cầu (Đoạn Km1+300 - Km2+268,86) đang thi công dự kiến hoàn thành trong năm 2023 và Công trình nhà văn hóa đa chức năng (giai đoạn 1) thuộc Dự án Quảng trường trung tâm huyện Phú Bình là công trình hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

c) Đánh giá: Đạt.

5.2. Tiêu chí số 02 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm.

- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%.

- Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt trên 50%.

- Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Theo bản vẽ quy hoạch, các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã; các xã trên địa bàn huyện có đường ô tô kết nối với đường huyện và các trung tâm hành chính, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm; theo quy hoạch giai đoạn 2021-2025 có 36,5 km/36,5 km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa; 36,5 km/36,5 km đường huyện được bảo trì hàng năm.

- Theo quy hoạch giai đoạn 2021-2025, có 36,5Km/36,5Km (bằng 100%) đường được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp đạt cấp kỹ thuật theo tiêu chuẩn TCVN 4054: 2005 Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế; đường huyện có hệ thống cầu, cống được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

- Theo quy hoạch giai đoạn 2021-2025 có 19,01 km/36,5 km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 52,08\%$.

- Huyện Phú Bình có Bến xe khách được quy hoạch là bến xe khách loại IV, được đầu tư xây dựng theo hợp đồng xây dựng – sở hữu – kinh doanh (BOO) số 56/2018/HDDA giữa Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên với Công ty TNHH một thành viên bến xe Thái Nguyên. Hiện nay, bến xe khách Phú Bình đã triển khai thi công xây dựng xong phần san lấp mặt bằng, thoát nước, Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành phối hợp tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh thời gian xây dựng bến xe khách Phú Bình để triển khai thi công các hạng mục còn lại và công bố đưa bến xe khách vào khai thác sử dụng.

c) Đánh giá: Đạt

5.3. Tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hệ thống thủy lợi liên xã trên địa bàn huyện Phú Bình được phân cấp quản lý theo đúng quy định tại Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phân giao nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

Vùng lấy nước tự chảy từ kênh Thác Huống bao gồm 9 xã với diện tích thực tưới bằng tự chảy của hệ thống sông Cầu cho huyện Phú Bình lúa 2 vụ là 2.101 ha và màu 1.001 ha. Kênh do Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Phú Bình vận hành quản lý đã cung cấp nước tưới được đảm bảo và đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

Hệ thống thủy nông Núi Cốc lấy nước từ hồ Núi Cốc phục vụ cho 6 xã bên sông Cầu, hàng năm Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác thủy lợi Thái Nguyên có kế hoạch trữ nước để phục vụ sản xuất nông nghiệp, do nguồn nước đảm bảo và hệ thống các kênh chính phần lớn đã được kiên cố hoá nên nhu cầu tưới được đảm bảo và đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

Hệ thống các hồ đập lớn: gồm hồ Hồ Cốc, hồ Kim Đĩnh, hồ Trại Gạo, hồ Quấn; do lưu vực lòng hồ rộng, lượng nước chứa lớn và được duy tu sửa chữa thường xuyên nên khả năng tích nước tốt cơ bản đáp ứng nhu cầu tưới phục vụ sản xuất.

Hệ thống các hồ đập vừa và nhỏ được phân cấp quản lý: gồm 140 công trình, trong đó: Công trình hồ chứa là 41 công trình; Công trình đập là 47 công trình; Công trình trạm bơm tưới: 38 trạm bơm. Ngoài ra hệ thống kênh tưới dẫn nước với tổng chiều dài kênh là 617,79 km, đã kiên cố hóa được 310,13 km/617,79 km đạt tỷ lệ kiên cố hóa là 50,2%.

Trên địa bàn huyện có Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Phú Bình và Trạm Khai thác thủy lợi Phú Bình hoạt động liên xã thành lập và hoạt động đảm bảo theo quy định hiện hành, có nhiệm vụ chính là trực tiếp quản lý, vận hành, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn theo phân cấp. Hàng năm đều xây dựng kế hoạch đảm bảo tưới, tiêu cho 100% đất canh tác trên địa bàn huyện, quá trình thực hiện đảm bảo điều hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý, chủ động xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Phương án phòng chống thiên tai bảo vệ công trình thủy lợi, phương án tiêu úng, phương án chống hạn cho hệ thống công trình thủy lợi do đơn vị quản lý và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời trên cơ sở phương án được duyệt các đơn vị đã nghiêm túc triển khai thực hiện. Kết quả hệ thống công trình thủy lợi được đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả.

- Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động, có hiệu quả, theo phương châm 4 tại chỗ, đáp ứng nhu cầu dân sinh: 20/20 xã, thị trấn duy trì hoạt động của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã; hàng năm, các cấp từ huyện đến cơ sở ban hành kế hoạch triển khai phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn; triển khai các phương án ứng phó với các tình huống thiên tai có thể xảy ra. Hệ thống truyền thanh cơ sở được kết nối đến tất cả các xóm, tổ dân phố đáp ứng tốt việc tuyên truyền, cảnh báo phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn; thống kê đầy đủ các điểm có nguy cơ xảy ra thiên tai, nguy hiểm; cắm đầy đủ các biển cảnh báo nguy hiểm tại các vị trí theo quy định. Bên cạnh đó, hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin, các trang mạng xã hội (nhóm Zalo, Facebook,...) được sử dụng để triển khai nhiệm vụ, cập nhật thông tin và tuyên truyền đến nhân dân về công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn,... đảm bảo kịp thời và lan tỏa trên diện rộng hơn so với những năm trước đây.

c) Đánh giá: Đạt

5.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hệ thống điện trên địa bàn huyện được đầu tư đồng bộ, chất lượng điện đến thời điểm hiện tại ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu điện sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của Nhân dân, các tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn huyện. Hiện tại hệ thống điện trên địa bàn đang nhận điện từ các trạm biến áp 110kV Phú Bình E6.17, nguồn từ trạm 110kV Thái nguyên E6.2, nguồn từ tranh 110kV E6.3 Sông Công. Hiện tại, Điện lực Phú Bình là đơn vị quản lý, vận hành toàn bộ lưới điện trung thế, các trạm biến áp và lưới điện hạ thế, bán lẻ điện đến 17 xã, thị trấn; các Hợp tác xã dịch vụ điện quản lý lưới điện hạ thế và bán lẻ điện trên địa bàn 03 xã (*Thượng Đình, Nhã Lộng, Bảo Lý*).

- Kết cấu hạ tầng lưới điện trên địa bàn huyện gồm:

+ Đường dây trung thế: 314,78km (*đường dây 35kV: 156,895km; đường dây 22kV: 157,885km*)

+ Đường dây hạ thế: 826,05km (*Trong đó: ngành điện lực quản lý 721,37km; các hợp tác xã dịch vụ điện quản lý 104,677km*);

+ Toàn huyện có 295 trạm biến áp; tổng công suất 68.305kV; tổng số công tơ điện 51.567 công tơ (*công tơ 3 pha: 5.343 công tơ; 1 pha: 46.244 công tơ*).

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 100%; tổng số khách hàng sử dụng điện 51.567 khách hàng (*trong đó: 44.155 khách hàng của Điện lực và 7.412 khách hàng của các hợp tác xã dịch vụ điện*).

Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống, một số tuyến đường dây điện ở trung tâm huyện, các khu đô thị, khu dân cư mới tại các xã đã được ngầm hóa, các đường điện còn lại đảm bảo an toàn hành lang và mỹ quan công trình.

c) Đánh giá: Đạt

5.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã.

- Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên.

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Trung tâm Y tế (TTYT) huyện Phú Bình có tổng diện tích mặt bằng 5.000 m² được UBND tỉnh phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 30/10/2009; Vị trí đảm bảo phù hợp quy hoạch, giao thông thuận tiện. Thiết kế sử dụng đảm bảo yêu cầu chuyên môn. Về cơ cấu tổ chức: Ban giám đốc TTYT huyện gồm 01 giám đốc, 02 phó giám đốc. TTYT huyện có 01 phòng chức năng, 04 khoa chuyên môn và quản lý 20 Trạm Y tế các xã, thị trấn. TTYT huyện Phú Bình có chức năng triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống bệnh xã hội, an toàn thực phẩm... theo Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 của Bộ Y tế. Hàng năm TTYT huyện Phú Bình được Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Vị trí phù hợp quy hoạch, giao thông thuận tiện. Thiết kế xây dựng đảm bảo yêu cầu, hàng năm được cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng. Về cơ cấu tổ chức và thực hiện nhiệm vụ: Ban giám đốc Bệnh viện gồm 01 giám đốc và 03 phó giám đốc, bệnh viện có 04 phòng chức năng, 09 khoa chuyên môn điều trị bệnh nhân. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế đáp ứng yêu cầu chuyên môn tuyến huyện và đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Số lượt khám bệnh đạt trên 180 lượt /ngày, số bệnh nhân nội trú 260 người/ngày; công suất sử dụng giường bệnh tính đến tháng 10 năm 2022: 113,7%. Trong những năm qua, Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình được Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên xếp loại hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trạm Y tế của 19 xã: Cơ sở vật chất, hạng mục công trình đều đạt chuẩn quốc gia về y tế theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế. Các xã đủ điều kiện khám, chữa bệnh BHYT, có hợp đồng thu gom, xử lý rác thải y tế và vệ sinh môi trường theo quy định.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện Phú Bình được thành lập từ ngày 01/3/2019 trên cơ sở sáp nhập giữa hai đơn vị (Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện) theo Quyết định số 4196/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông huyện được xây dựng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010. Tổng biên chế có 12 cán bộ, viên chức gồm: 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 9 viên chức. Cơ cấu của Trung tâm gồm 05 tổ chuyên môn: Hành chính - tổng hợp; Văn hoá - văn nghệ; Thể dục thể thao; Truyền thông, cổ động; Kỹ thuật phát thanh, truyền hình.

Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện được cấp sổ đỏ với diện tích 24.086m² năm 2018. Năm 2019 bổ sung quy hoạch chi tiết Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Quảng trường trung tâm huyện Phú Bình từ 24.086m² lên 38.000m². Trụ sở làm việc có đủ các phòng làm việc, phòng chức năng, gồm: 03 phòng làm việc của 03 lãnh đạo, 05 phòng làm việc của bộ phận chuyên môn. Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông huyện được trang bị 01 xe chuyên dụng đảm bảo phục vụ tốt công tác chuyên môn nghiệp vụ.

Công trình thể dục thể thao bao gồm: 01 sân vận động huyện có diện tích trên 6.500 m², có sân khấu, khán đài có mái che; 01 nhà luyện tập và thi đấu thể thao diện tích trên 900 m². Hội trường trung tâm sức chứa 660 chỗ ngồi; có đầy đủ công trình phụ trợ, sân khấu phục vụ tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trong nhà với diện tích 207 m², có đầy đủ các trang thiết bị âm thanh, ánh sáng...; khu triển lãm, biểu diễn ngoài trời diện tích trên 1.000 m²; khu dịch vụ, vui chơi giải trí, vườn hoa diện tích trên 2.000 m² đáp ứng yêu cầu tổ chức sự kiện chính trị, văn hoá xã hội của huyện.

Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thông huyện thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao kết nối với cơ sở có hiệu quả: hàng năm tổ chức được 12 chương trình tại chỗ; 06 chương trình hoạt động lưu động; đội tuyên truyền lưu động tổ chức 120 buổi; 03 chương trình hoạt động phối hợp liên kết; 08 - 10 lớp năng khiếu; 04 cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn. Hàng năm tổ chức thi đấu thể thao cấp huyện trung bình 07 giải. Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa, thể thao cơ sở trung bình 04 lớp/năm; ấn hành tài liệu nghiệp vụ 06 loại với khoảng 1.000 bản/năm. Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông huyện đã dành 20% thời gian hoạt động tổ chức các hoạt động văn hoá, vui chơi giải trí phục vụ trẻ em. Tổng số người đến tham gia sinh hoạt tại Trung tâm trung bình 8.000 lượt/năm.

Trong giai đoạn 2011 - 2022, huyện đã tổ chức thành công 02 kỳ Đại hội Thể dục thể thao tại Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông. Tại Đại hội Thể dục thể thao huyện lần thứ IX năm 2022 có tổng số 877 vận động viên tham gia thi đấu, trên 7.000 lượt người tham gia cổ vũ, dự lễ khai mạc, bế mạc. Đại hội đã trao tổng số 285 giải cho các tập thể, cá nhân với tổng kinh phí 120.850.000đ. Tổng kinh phí tổ chức Đại hội cấp huyện 420 triệu đồng.

Thư viện huyện Phú Bình có diện tích 40 m² với trên 7.000 đầu sách phục vụ cán bộ và nhân dân trên địa bàn đến tra cứu và đọc sách, báo. Thư viện huyện mở cửa phục vụ bạn đọc các ngày trong tuần. Trung bình, Thư viện huyện phục vụ khoảng từ 25 đến 30 lượt bạn đọc/ngày, khoảng gần 6.000 bạn đọc/năm. Trung

bình mỗi năm luân chuyển khoảng 9.000 lượt sách về cơ sở. Thư viện huyện có 01 cán bộ có trình độ chuyên môn, đúng chuyên ngành đào tạo.

Kinh phí hoạt động của Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thông huyện do ngân sách nhà nước cấp. Năm 2021, tổng kinh phí ngân sách cấp cho Trung tâm là 3,455 tỷ đồng; năm 2022 (tính đến tháng 10/2022) là 3,621 tỷ đồng, cơ bản đáp ứng yêu cầu các hoạt động của đơn vị. Các nội dung chi thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách.

- Huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên có tổng số 03 trường trung học phổ thông trong đó cả 03 trường đều đã đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, tỷ lệ đạt 100%, cụ thể: trường THPT Phú Bình đạt trường chuẩn quốc gia tháng 8/2018; trường THPT Lương Phú đạt trường chuẩn quốc gia tháng 02/2018; trường THPT Diềm Thụy đạt trường chuẩn quốc gia tháng 12/2019. Bên cạnh đó, huyện Phú Bình luôn chú ý đến công tác đầu tư, xây dựng, cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất tại các trường học, đảm bảo về đội ngũ giáo viên và nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng tiêu chí về trường học đạt chuẩn quốc gia. Đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của con em các dân tộc trên địa bàn huyện.

Huyện Phú Bình có 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, đến thời điểm thẩm tra Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Phú bình đã đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo của trường được quan tâm đầu tư, phù hợp với ngành nghề đào tạo và từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, phương pháp dạy học. Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuẩn chuyên môn đào tạo, có ý thức nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

c) Đánh giá: Đạt

5.6. Tiêu chí số 6 về Kinh tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn.

- Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

- Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.

- Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Trên địa bàn huyện có Khu công nghiệp Diêm Thụy có trong Quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp ở Việt Nam theo quy định với diện tích là 350 ha nằm trên địa giới hành chính của huyện Phú Bình và thành phố Phổ Yên. Khu công nghiệp Diêm Thụy được chia thành 02 khu, phần diện tích 180 ha UBND tỉnh giao cho Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên làm chủ đầu tư hạ tầng, phần diện tích 170 ha giao cho Công ty cổ phần đầu tư APEC Thái Nguyên.

Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hồi đất và giao đất cho chủ đầu tư Khu công nghiệp Diêm Thụy (Khu A) đảm bảo tiến độ. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên đã triển khai đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo quy hoạch. Các hạng mục san nền, đường giao thông nội bộ, hạ tầng kỹ thuật thoát nước, hạ tầng thông tin, công trình xử lý nước thải, hệ thống cấp điện phục vụ khu công nghiệp được đầu tư đồng bộ và hoàn thành đúng tiến độ. Đối với khu B (phần diện tích 170 ha), Công ty cổ phần đầu tư APEC Thái Nguyên đã hoàn thiện công tác san nền, đầu tư đường giao thông nội bộ, hạ tầng kỹ thuật trên phần diện tích đã được UBND tỉnh giao cho thuê.

Từ năm 2013 dự án đã thu hút nhà đầu tư vào đầu tư kinh doanh tại khu công nghiệp, các nhà đầu tư vào đầu tư tại Khu công nghiệp Diêm Thụy chủ yếu là các doanh nghiệp vệ tinh, phụ trợ của Tập đoàn Samsung Đến nay, Khu công nghiệp Diêm Thụy đã thu hút 81 nhà đầu tư thứ cấp vào đầu tư kinh doanh (Gồm: 67 doanh nghiệp FDI và 14 doanh nghiệp DDI), tổng số vốn đầu tư vào khu công nghiệp trên 500 triệu USD, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho 20.148 lao động. Riêng phần diện tích Khu công nghiệp thuộc địa giới hành chính của huyện Phú Bình có trên 50 doanh nghiệp và tạo việc làm cho gần 16.000 lao động.

Trong 9 tháng đầu năm 2022, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp sản xuất kinh doanh hiệu quả, tổng doanh thu trên 960 triệu USD, giá trị xuất khẩu trên 700 triệu USD, nộp ngân sách nhà nước trên 38 triệu USD. Các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Diêm Thụy hoạt động ổn định, hiệu quả đã đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của huyện Phú Bình, cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp.

- Chợ Úc Sơn (hạng II) là chợ trung tâm huyện Phú Bình nằm ở thị trấn Hương Sơn; Chợ thành lập năm 1986 được đầu tư cải tạo, xây dựng hoàn chỉnh cơ sở vật chất và đưa vào sử dụng năm 2007, có vị trí thuộc thửa đất số 357, tờ bản đồ địa chính số 5A thị trấn Hương Sơn (thị trấn Úc Sơn cũ), với tổng diện tích đất là 3.982 m². Quyền sử dụng đất và tài sản chợ do UBND thị trấn Hương Sơn quản lý theo quy định; chợ họp cả ngày, tất cả các ngày trong năm. Hiện nay

chợ có 210 điểm kinh doanh, với 105 thương nhân kinh doanh cố định tại chợ; ngoài ra hàng ngày có khoảng 10 đến 30 người bán hàng không thường xuyên tại chợ. Hàng hóa kinh doanh tại chợ chủ yếu là hàng hóa thiết yếu, thực phẩm phục vụ đời sống, tiêu dùng hàng ngày của nhân dân trên địa bàn thị trấn Hương Sơn và địa bàn lân cận.

Thực hiện Quyết định số 1909/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi mô hình tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trên địa bàn huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2018-2020. UBND huyện đã tổ chức đấu thầu rộng rãi gói thầu kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Úc Sơn, thị trấn Hương Sơn; kết quả Công ty cổ phần đầu tư chợ Miền Bắc - Địa chỉ: Tổ dân phố Đình, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã trúng thầu gói thầu kinh doanh, khai thác và quản lý chợ Úc Sơn, thị trấn Hương Sơn (*Quyết định số 6736/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND huyện Phú Bình về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư*).

Chợ có đầy đủ các hạng mục kết cấu hạ tầng (*có biển chợ, 02 đình chợ; nền bê tông, nhà vệ sinh nam, nữ riêng biệt, các gian hàng kiên cố hóa, trần, mái che, tường chợ, hệ thống chiếu sáng, nước sạch, thùng rác...*) có các hồ sơ minh chứng như: Quyết định phê duyệt nội quy, quy chế chợ, Quyết định thành lập Ban quản lý chợ; hợp đồng thu gom xử lý rác thải; Quyết định thành lập tổ phòng cháy, chữa cháy, phê duyệt phương án sắp xếp bố trí ngành hàng; hồ sơ phòng cháy, chữa cháy...

Chợ có 41 gian hàng kinh doanh thực phẩm tươi sống, có các hồ sơ minh chứng kèm theo như: Biển tên người bán hàng, niêm yết giá, sổ theo dõi xuất, nhập hàng hóa theo ngày, tháng, có tủ bảo quản thực phẩm chín theo quy định; giấy khám sức khỏe của thương nhân kinh doanh thực phẩm đảm bảo đáp ứng theo quy định TCVN 11856:2017...

Định hướng của UBND huyện Phú Bình quy hoạch chợ trung tâm huyện ở vị trí mới (*Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị số 8 - thị trấn Hương Sơn được UBND huyện Phú Bình phê duyệt tại Quyết định số 4133/QĐ-UBND 04/9/2020 đã bố trí quy hoạch chợ trung tâm huyện với diện tích 8.220 m²*). Hiện tại đang hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định. Giai đoạn 2021-2025 tập trung chỉ đạo các phòng chuyên môn trên địa bàn huyện, các công ty và các thương nhân kinh doanh thực phẩm tại các chợ tiếp tục duy trì, triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo các chợ theo các đề án, chương trình được duyệt; bố trí ngân sách địa phương quy hoạch, bố trí quỹ đất phù hợp phát triển chợ, nâng cao chất lượng chợ nông thôn và chợ kinh doanh

thực phẩm để đổi mới về không gian, môi trường và cả phương thức kinh doanh cho phù hợp với quy định.

- Huyện Phú Bình đã hình thành vùng nguyên liệu tập trung như: UBND huyện đã quy hoạch vùng sản xuất cánh đồng tập trung dồn điền đổi thửa tại 03 xã Xuân Phương, Úc Kỳ, Tân Đức với diện tích 226 ha; đã hình thành các vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực như mô hình nếp thâu dầu trên địa bàn xã Úc Kỳ; mô hình sản xuất lúa hữu cơ theo tiêu chuẩn VietGap tại xã Tân Đức; Mô hình phát triển liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm lúa nếp Thâu dầu tại xã Xuân Phương huyện Phú Bình; Mô hình xây dựng chuỗi liên kết sản xuất lúa gạo tại xã Dương Thành huyện Phú Bình; Hình thành và duy trì các vùng sản xuất rau, mầu tập trung chuyên canh ở các xã như Nhã Lộng, Lương Phú, Tân Đức, Dương Thành, Thanh Ninh...với tổng diện tích 65 ha trong đó diện tích sản xuất rau được áp dụng quy trình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP là 22 ha; Phát triển chăn nuôi gà đồi tập trung tại các xã Tân Khánh, Tân Hoà, Tân Kim, Dương Thành, Bàn Đạt, Tân Đức, Bảo Lý, Lương phú... với số lượng trên 3 triệu con gia cầm/năm, sản lượng gần 18.000 tấn...

- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện được thành lập theo Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 1489/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND huyện Phú Bình Về việc thành lập Tổ chức, bộ máy Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Phú Bình thực hiện theo Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 UBND huyện trong đó: Ban Giám đốc gồm: 03 đồng chí (Giám đốc, 02 Phó giám đốc); Các tổ chuyên môn được chia thành 04 tổ (Tổ Dạy nghề - Hành chính - Tổng hợp, Tổ Chăn nuôi thú y và thủy sản, Tổ Trồng trọt - Bảo vệ thực vật và lâm nghiệp, Tổ Chuyển giao kỹ thuật khuyến nông xã).

Thực hiện các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Tổ chức chuyển giao khoa học kỹ thuật tổ chức 400 lớp tập huấn với trên 20.000 lượt người; triển khai công tác tiêm phòng được triển khai kịp thời đều đạt và vượt kế hoạch giao; cấp trên 32.000 lít hóa chất để triển khai công tác phun khử trùng, tiêu độc trên đàn vật nuôi; công tác giám sát và lấy mẫu được chú trọng...Dịch bệnh được kiểm soát và đàn vật nuôi phát triển ổn định tăng cả về số lượng và chất lượng; chỉ đạo sát sao theo cơ cấu mùa vụ đồng thời áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất để nâng cao năng suất sản lượng lúa như: đưa các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng gạo ngon vào sản xuất, áp dụng các biện pháp thâm canh, hệ thống canh tác cải tiến SRI, sản xuất cánh đồng tập trung một giống, thực hiện phòng trừ sâu bệnh kịp thời...; tuyên truyền về công tác

phòng trừ dịch bệnh theo hướng dẫn của Chi cục Trồng trọt & BVTV tỉnh, Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện....

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Hàng năm đơn vị đã thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn bằng nguồn kinh phí của Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên. (Năm 2019: Thực hiện 03 lớp dạy nghề trong đó: 02 lớp dạy nghề trình độ sơ cấp về sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi mở tại xã Tân Hòa và xã Tân Khánh, 01 lớp dạy nghề thường xuyên về Trồng cây có múi mở tại xã Tân Hòa; Năm 2020: Thực hiện 03 lớp dạy nghề với 90 học viên: Trong đó 01 lớp trình độ sơ cấp về sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi, 01 lớp dạy nghề thường xuyên về Trồng rau an toàn, 01 lớp dạy nghề thường xuyên về trồng lúa năng suất cao).

Công tác xây dựng nông thôn mới: Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã xây dựng cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng tập trung. Kết quả hầu hết các xã đã thực hiện được cánh đồng tập trung một giống với quy mô từ 2 ha trở lên; phối hợp hướng dẫn các xã thành lập tổ khuyến nông cộng đồng, rà soát, hướng dẫn, thu thập hồ sơ minh chứng cho chỉ tiêu 6.3, 6.4, 7.3 trong bộ tiêu chí huyện Nông thôn mới và tiêu chí số 13 trong bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao, phối hợp triển khai các mô hình liên kết đảm bảo hoàn thành các tiêu chí đề ra

Từ khi thành lập đến nay tập thể lãnh đạo, cán bộ Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Phú Bình luôn cố gắng, phấn đấu, đoàn kết để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao và đạt được thành tích qua các năm.

c) Đánh giá: Đạt

5.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn

- Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên

- Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn
- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định
- Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Đối với rác thải sinh hoạt: Đã thực hiện biện pháp phân loại rác thải tại nguồn, thu gom và xử lý rác thải theo quy định; tỷ lệ rác thải sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh (đáp ứng yêu cầu tiêu chí rác thải chôn dưới 50%). Kết quả cụ thể như sau:

Toàn huyện có 20 đơn vị hành chính cấp xã (18 xã và 01 thị trấn), số lượng rác thải phát sinh trên địa bàn toàn huyện được thống kê trên quy mô dân số và định mức phát sinh theo nhân khẩu; 100% các xã đã thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn thành 03 loại gồm: rác hữu cơ thực phẩm, rác tái chế và các loại rác thải khác.

Đối với các loại chất thải phải vận chuyển đi xử lý, UBND huyện đã giao trách nhiệm cho Trạm dịch vụ Cấp nước và Môi trường của huyện trực tiếp ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác với UBND các xã, thị trấn. Theo đó, Trạm Cấp nước và Môi trường đã phối hợp với UBND các xã lập kế hoạch để tổ chức thực hiện việc thu gom, vận chuyển rác thải đã được phân loại theo lịch trình cụ thể đối với từng địa bàn; đã bố trí các xe gom rác cho các xóm, xã để thực hiện việc thu gom rác thải từ các hộ gia đình.

UBND các xã đã thành lập các tổ vệ sinh môi trường tại các xóm. Theo lịch thu gom rác đã sắp xếp cho từng khu vực, các tổ vệ sinh môi trường sẽ vận chuyển xe gom rác đến vị trí tập kết để xe chở rác của Trạm Cấp nước và Môi trường vận chuyển đi xử lý, không để tồn đọng rác hàng ngày tại điểm tập kết.

Theo số liệu báo cáo, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn toàn huyện khoảng 80,64 tấn/ngày, gồm: chất thải hữu cơ, thực phẩm (khoảng 34 tấn/ngày, chiếm 42,16%); chất thải tái chế, tái sử dụng (khoảng 11,11 tấn/ngày, chiếm 13,78%); chất thải sinh hoạt khác phải xử lý (khoảng 35,53 tấn/ngày, chiếm 44,06%). Trong đó, rác hữu cơ thực phẩm được xử lý tại hộ gia đình (tận dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc xử lý trong các hố ủ để làm phân bón); các loại rác có thể tái chế được thu gom để bán tận thu; các loại rác khác được vận chuyển đi xử lý, chôn lấp tại Công ty TNHH dịch vụ môi trường Anh Đăng. Tuy nhiên, từ tháng 11/2022, UBND huyện đã ký hợp đồng xử lý rác thải sinh hoạt với Công ty TNHH Môi trường Sông Công trong lò đốt công nghiệp (đã được Bộ Tài nguyên

và Môi trường cấp phép hoạt động) do ô chôn lấp rác thải tại Công ty TNHH dịch vụ môi trường Anh Đăng đã đầy không còn khả năng tiếp nhận.

* Đối với chất thải nguy hại (CTNH): Chủ yếu là chất thải y tế và vỏ bao bì chứa hóa chất bảo vệ thực vật thải bỏ. Chất thải y tế nguy hại được các cơ sở y tế thu gom, phân loại và trực tiếp hợp đồng thu gom, xử lý với Công ty TNHH Môi trường Sông Công và Công ty TNHH dịch vụ môi trường Anh Đăng. Vỏ bao bì chứa hóa chất bảo vệ thực vật (BVTV) thải bỏ: đã được thu gom, lưu chứa trong các bể chứa có nắp đậy. Hiện tại khối lượng vỏ bao bì chứa hóa chất BVTV đang được lưu chứa tại các bể chứa khoảng 3 tấn, UBND huyện Phú Bình đã có kế hoạch hợp đồng xử lý với đơn vị chức năng (hiện đang trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật).

- UBND huyện Phú Bình đã chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các hộ gia đình ký cam kết và thực hiện phân loại rác thải tại nguồn thành các nhóm như đã nêu trên (có danh sách các hộ ký cam kết và phân loại được UBND xã xác nhận). Kết quả: có 33.602 hộ/ tổng số 38.373 hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn, đạt tỷ lệ 87,5% đáp ứng tiêu chí. Trong đó, rác thải thực phẩm hữu cơ được phân loại và xử lý tại chỗ (tận dụng làm thức ăn chăn nuôi hoặc ủ làm phân bón hữu cơ trong các hố chôn tại vườn hoặc trong thùng sơn, xô có nắp đậy); các loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế được các hộ thu gom, phân loại riêng để tái sử dụng và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu để tái chế. Các loại rác thải sinh hoạt khác được các hộ thu gom riêng và được Trạm Cấp nước và Môi trường huyện vận chuyển đi xử lý theo lịch thu gom.

- Trên địa bàn huyện có 01 mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã: Tổ hợp tác tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp, xóm Tre, xã Tân Khánh. Số hộ tham gia cung cấp chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp: 161 hộ. Ký kết hợp đồng liên kết với 02 HTX (HTX nông nghiệp Hồng Kỳ, HTX nông nghiệp Ngọc Hiền), Công ty cổ phần thương mại và chế biến nông sản Quyết Thắng và cung cấp cho các hộ trồng lúa, rau màu trên địa bàn huyện với tổng lượng phân bón cung cấp ra thị trường năm 2022: 850 tấn phân bón.

- UBND huyện có Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 30/12/2021 về quản lý nước thải trên địa bàn huyện Phú Bình. Trên địa bàn khu vực thị trấn huyện hiện có 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung, gồm: 01 hệ thống công suất 120m³/ngày đêm thuộc khu dân cư số 2, thị trấn Hương Sơn đã đi vào hoạt động; 01 xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất là 200 m³/ngày đêm thuộc Dự án khu đô thị số 4, thị trấn Hương Sơn đã hoàn thành các hạng mục xây dựng nhưng

chưa lắp đặt thiết bị do đây là dự án khu dân cư mới nên chưa có người dân vào sinh sống.

- Huyện Phú Bình có Khu công nghiệp Điềm Thụy đang hoạt động: KCN Điềm Thụy A (180 ha), đã được UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 130/GXN-STNMT ngày 29/12/2016, có Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 3.000 m³/ngày đêm, đã bố trí trên 10% diện tích và đã trồng cây xanh theo yêu cầu quy định. KCN Điềm Thụy B (170 ha), được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; đi vào hoạt động khi chưa có Trạm xử lý nước thải tập trung nên đã bị Tổng cục Môi trường xử lý vi phạm năm 2018, đến nay (năm 2021) đã hoàn thành xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung công suất 3.500 m³/ngày đêm nhưng chưa thực hiện thủ tục cấp phép môi trường do chưa hoàn thành hệ thống thu gom nước từ các dự án thứ cấp trong KCN.

Có 01 cụm công nghiệp Kha Sơn đang hoạt động, đã có hồ sơ về môi trường được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; đã có Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm theo quy định.

Huyện Phú Bình có 09 làng nghề đã được UBND tỉnh Thái Nguyên công nhận gồm các lĩnh vực như: đồ mộc mỹ nghệ, mây tre đan, trồng và chế biến chè, tương nếp, chế biến các sản phẩm từ ngựa, các làng nghề không phát sinh các chất thải độc hại, gây ô nhiễm, chất thải phát sinh chủ yếu là chất thải thông thường và đã được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định. Các làng nghề đã có hồ sơ về bảo vệ môi trường theo quy định trước khi được UBND tỉnh công nhận làng nghề.

- Trên địa bàn huyện Phú Bình, theo kết quả theo dõi diễn biến rừng năm 2021, tổng diện tích có rừng là 5.624,15 ha. Trong đó: Diện tích rừng trồng đã thành rừng: 4.836,13 ha; Diện tích đã trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng: 788,02 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 20,03%. (được UBND huyện Phú Bình phê duyệt tại Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 27/01/2022). Hằng năm, UBND huyện triển khai kế hoạch trồng rừng do UBND tỉnh giao, bình quân trồng rừng đạt từ 150 ÷ 250 ha. Loài cây trồng chủ yếu là cây Keo. Ngoài ra, thực hiện trồng cây xanh phân tán, (được triển khai trồng tại khuôn viên: UBND huyện, các đơn vị hành chính đóng trên địa bàn huyện, khuôn viên UBND các xã, thị trấn, khuôn viên nhà văn hóa xóm, Trường học, Trạm Y tế, Đình, đền, chùa, khu Công nghiệp, đường giao thông liên xã, thôn...). Tổng số cây xanh đã trồng 210.666 cây, gồm các loài cây: Lát hoa, Sấu, Sung, Trám, Xoan, Xà Cừ, Sưa, Mít, Vú Sữa, Xoài, Muồng Hoa Vàng, Bàng Đài Loan, Keo, Đa, Duối, Bạch Đàn, Trúng Cá, Bàng, Sưa... Thống kê tổng số diện tích đất cây xanh của huyện: 901.246 m²/164.831 người đạt 5,47 m²/người (chỉ tiêu ≥ 2m²/người).

- UBND huyện đã xây dựng kế hoạch và chỉ đạo UBND các xã hướng dẫn người dân thực hiện phân loại chất thải nhựa tại nguồn, trong đó tái sử dụng đối với những loại có thể tái sử dụng, và bán cho các cơ sở thu mua để tái chế, hạn chế việc thải chất thải nhựa ra môi trường không được xử lý theo quy định, gây ô nhiễm môi trường. Kết quả tổng hợp từ 20 xã, thị trấn trên địa bàn huyện cho thấy: Tổng lượng chất thải nhựa phát sinh khoảng 4.902 kg/ngày. Trong đó, khối lượng được người dân thu gom bán cho các cơ sở thu mua phế liệu để tái chế khoảng 3.811 kg/ngày, lượng còn lại khoảng 77,74 kg/ngày. Như vậy, tỷ lệ được thu gom, tái sử dụng và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu để tái chế là $3.811/4.902$ kg/ngày, đạt 77,74% tổng khối lượng phát sinh, đáp ứng yêu cầu tiêu chí là $\geq 50\%$.

- UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 30/12/2021 về quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện, đồng thời Trạm Cấp nước và Môi trường huyện đã xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển rác trên địa bàn, không bố trí các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt. UBND các xã, thị trấn đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải đi xử lý theo quy định, đã thành lập các tổ vệ sinh môi trường và đã thống nhất kế hoạch với Trạm Cấp nước và Môi trường huyện về vị trí, thời gian thu gom, vận chuyển rác thải đi xử lý theo kế hoạch, không có rác tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, huyện không bố trí các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt, do đó đánh giá đáp ứng yêu cầu tiêu chí.

c) Đánh giá: Đạt

5.8. Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

- Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

- Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung là 4.739/38.770 hộ chiếm tỷ lệ 12,22 %; trong đó có 05 công trình cấp nước tập trung đang hoạt động cung cấp nước sạch cho 3.922 hộ dân thuộc 04 xã: Hà Châu, Nga My, Úc Kỳ, Xuân Phương, thị trấn Hương Sơn. Ngoài ra các xã Diêm Thụy, Thượng Đình, Nhã Lộng có 817 hộ dân đang sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung tại thành phố Sông Công.

- Trên địa bàn huyện Phú Bình có 09 công trình cấp nước tập trung, trong đó 05 công trình cấp nước tập trung hiện đang hoạt động bền vững gồm: 04 công trình cấp nước do Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn quản lý, khai thác (Nhà máy nước Nga My - Hà Châu; Nhà máy nước xã Xuân Phương; Công trình cấp nước sinh hoạt xóm Làng xã Úc Kỳ; Trạm cấp nước Hà Châu), 01 trạm Dịch vụ cấp nước và môi trường huyện Phú Bình. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững trên địa bàn huyện đạt 55,55%.

- UBND huyện Phú Bình đã ban hành Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 30/12/2021 về kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn và ban hành công văn chỉ đạo, triển khai kế hoạch trên đến các xã, thị trấn trên địa bàn. Thực hiện kế hoạch của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn cũng xây dựng kế hoạch và tổ chức thống kê, rà soát các ao, hồ, đập, suối,... Kết quả trên địa bàn huyện có 251 ao, hồ, đập, suối nước mặt được các xã, thị trấn đã rà soát, thống kê và có phương án, kế hoạch tổ chức thực hiện việc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, nạo vét, tu bổ, phát quang hệ thống các ao, hồ sinh thái trên địa bàn, đã lắp đặt rào chắn và trên 200 biển báo tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn với người dân. Tại các tuyến kênh, mương các xã thường xuyên thực hiện việc thu gom rác, không để tắc nghẽn dòng chảy gây ô nhiễm.

- UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn xây dựng Kế hoạch ra quân tổng vệ sinh môi trường các tuyến đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng. Hàng tuần các xã, các tổ chức đoàn thể từ huyện đến cơ sở duy trì có hiệu quả phong trào “Ngày chủ nhật xanh” vệ sinh môi trường, phân loại rác thải tại nguồn, thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường. Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn phân công các tổ chức, đoàn thể phụ trách từng tuyến đường hoa, cây xanh, tuyến đường tự quản, mô hình bảo vệ môi trường và tổ chức cấm biển các tuyến đường phụ trách; phối hợp với các đơn vị quân đội thực hiện vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh, kênh mương tại các xã xây dựng nông thôn mới. Các xóm của các xã đều có hương ước, trong đó có nội dung vệ sinh môi trường, có kế hoạch và thực hiện vệ sinh đường làng ngõ xóm định kỳ.

Tổ chức các cuộc tập huấn, tuyên truyền vận động hội viên phụ nữ thu gom, phân loại, xử lý rác thải tại hộ gia đình”; thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa”... như sử dụng xô, sọt đựng phân loại rác thải tại nguồn; thành lập mô hình “Phụ nữ nói không với túi nilon, sản phẩm nhựa dùng một lần”; tổ chức mô hình “Chợ dân sinh giảm thiểu rác thải nhựa”, “Đổi rác thải lấy cây xanh”, “Ngày hội vệ sinh môi trường của học sinh:... tuyên truyền, triển khai mô hình “Cánh đồng xanh 3 không”. Do đó, 100% số xã đạt tiêu chí đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh, sạch, đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường. Kết quả tổng hợp từ 20 xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau: Các tuyến đường xã, liên xã, đường trục thôn, liên thôn và các khu vực công cộng được trồng hoa, cây bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ và được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý khoảng: 281 km. Số km kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kè bờ khoảng: 670 km. Diện tích trồng cây xanh: đạt 5,53 m²/người. Số hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh: 85,3%. Tỷ lệ đường xã, liên xã, liên thôn lắp đặt hệ thống chiếu sáng, đạt 70,5%.

- Toàn huyện có 91/91 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống (cấp huyện quản lý) thực hiện đúng quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt tỷ lệ 100%, trong đó: Ngành Y tế quản lý 61 cơ sở, số cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm 61 cơ sở. Ngành Nông nghiệp và PTNT quản lý 30 cơ sở, trong đó có 25 cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, 05 cơ sở ký cam kết an thực phẩm.

c) Đánh giá: Đạt.

5.9. Tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

- Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

- Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự

- Đảm bảo an ninh, trật tự

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên

- Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Đảng bộ, Chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Đảng bộ huyện Phú Bình: Năm 2021 được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đánh giá, xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Dự kiến kết quả xếp loại năm 2022 đối với Đảng bộ huyện Phú Bình là “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Đối với chính quyền huyện: Năm 2021, Ban Thường vụ Huyện ủy Phú Bình đã có Quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể Thường trực HĐND huyện “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” và UBND huyện “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Dự kiến kết quả xếp loại năm 2022 đối với Chính quyền huyện Phú Bình là “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

- Các tổ chức chính trị - xã hội của huyện, bao gồm: Mặt trận Tổ quốc (được Ủy ban MTTQ tỉnh tặng Bằng khen do đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2021); Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện (được Tặng cờ của BCH Tỉnh đoàn cho đơn vị xuất sắc năm 2021); Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện (được Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tặng Bằng khen do đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào thi đua và nhiệm vụ công tác Hội năm 2021); Hội Nông dân huyện (được Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh công nhận danh hiệu thi đua “Đơn vị xuất sắc” năm 2021; Hội Cựu chiến binh huyện (được Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam tặng Cờ thi đua do đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu năm 2021) và Liên đoàn Lao động huyện (được Liên đoàn Lao động tỉnh công nhận đánh giá, xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2021). Như vậy các Tổ chức chính trị - xã hội của huyện năm 2021 đều được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng mức “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Dự kiến kết quả xếp loại năm 2022 đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện Phú Bình là “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

- Trong năm 2020 và năm 2021 huyện Phú Bình không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của huyện bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Hằng năm, Huyện ủy ban hành Nghị quyết, UBND huyện xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; Ban Chỉ đạo phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc bám sát các nội dung chỉ đạo, làm tốt công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tổ chức thực hiện tốt phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh trật tự. Vì vậy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh trên địa bàn toàn huyện. Công tác bảo đảm

an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở và lực lượng chức năng quan tâm thực hiện, đạt được nhiều kết quả tích cực. Các điểm phức tạp về trật tự xã hội và ma túy được xác minh, tổ chức triệt phá thành công (hiện trên địa bàn không có tụ điểm phức tạp về an ninh, trật tự). Phạm pháp hình sự xảy ra trên địa bàn huyện được điều tra, phá án đạt tỷ lệ cao. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Hằng năm, công tác tuyển quân, công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch đều hoàn thành 100% chỉ tiêu, đảm bảo chất lượng; ngoài ra thường xuyên nắm chắc tình hình an ninh chính trị, xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn huyện. Đảm bảo an toàn, an ninh xã hội trên địa bàn toàn huyện.

- Về kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến: UBND huyện đã niêm yết 115 thủ tục hành chính (TTHC) cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, trên 7 lĩnh vực công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện: lao động - thương binh và xã hội: 27 TTHC; kế hoạch và đầu tư: 21 TTHC; tài nguyên và môi trường: 12 TTHC; xây dựng: 9 TTHC; tư pháp: 15 TTHC; nông nghiệp: 17 TTHC; công thương: 14 TTHC.

Phối hợp, triển khai tích hợp các thủ tục hành chính đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến lên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Thái Nguyên, Cổng dịch vụ công quốc gia. Đến ngày 23/10/2022 có tổng số 290/290 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công tỉnh Thái Nguyên, đạt 100%. Trong đó có 115 TTHC cung cấp mức độ 4. Tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 là 1.192/1.488 hồ sơ, đạt tỷ lệ 80,11%.

- Công tác ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Phú Bình được ban hành đảm bảo đúng quy định.

Việc công khai, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin được thực hiện đăng tải đầy đủ trên công thông tin điện tử huyện và ban hành các văn bản trên hệ thống quản lý văn bản của huyện đảm bảo theo quy định.

Kịp thời ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp trên. Đã bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật.

- Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến, nghị ánh, khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo. UBND huyện đã bố trí phòng làm việc, thành lập ban tiếp công dân đồng thời cử công chức theo lịch trực tiếp công dân theo quy định. Kịp thời tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị phản ánh, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu gửi tới bảo đảm đúng quy định.

- Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định của pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính. UBND huyện đã thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định, việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo thực hiện theo quy định.

c) Đánh giá: Đạt

6. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

6.1. Giai đoạn trước năm 2020

UBND huyện Phú Bình đã thực hiện rà soát, tổng hợp nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và có cam kết tại văn bản số 2002/UBND-TCKH ngày 09/12/2022 và Báo cáo số 476/BC-UBND ngày 14/11/2022.

6.2. Năm 2020-2021

Tổng các công trình trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Phú Bình năm 2020-2021 là 208 công trình, với tổng mức đầu tư là 65.143 triệu đồng; phần khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu và lũy kế vốn đã bố trí chi tiết như sau:

a) Có 27 công trình hoàn thành đã quyết toán:

- Giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của dự án đến thời điểm báo cáo là: 10.683 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 0 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 4.258 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách huyện, xã: 0 triệu đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 6.425 triệu đồng.

- Số vốn lũy kế đã bố trí cho dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là: 10.683 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 0 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 4.258 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách huyện, xã: 0 triệu đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 6.425 triệu đồng.

- Số vốn còn thiếu so với giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của dự án đến thời điểm báo cáo là: 0 triệu đồng.

b) Có 181 công trình hoàn thành nhưng chưa quyết toán:

- Giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của dự án đến thời điểm báo cáo là: 52.138 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 0 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 19.077 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách huyện, xã: 0 triệu đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 33.061 triệu đồng.

- Số vốn lũy kế đã bố trí cho dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là: 52.138 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 0 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 19.077 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách huyện, xã: 0 triệu đồng;

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 33.061 triệu đồng.

- Số vốn còn thiếu so với giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của dự án đến thời điểm báo cáo là: 0 triệu đồng.

c) Không có công trình thi công dở dang.

6.3. Giai đoạn 2022-2025:

Tổng Kế hoạch vốn đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là: 208.050 triệu đồng (*Bằng chữ: Hai trăm linh tám tỷ, không trăm năm mươi triệu đồng*), trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 100.632 triệu đồng.

- Vốn ngân sách tỉnh: 42.337 triệu đồng.

- Nguồn vốn xi măng tỉnh hỗ trợ: 65.081 triệu đồng.

*** Danh mục công trình giai đoạn 2022-2025:**

UBND huyện Phú Bình đã phân bổ và giao kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 4685/QĐ-UBND ngày 05/10/2022, với tổng số công trình cả giai đoạn là 138 công trình.

Riêng năm 2022, UBND huyện Phú Bình đã phân bổ kế hoạch vốn chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới để khởi công xây dựng 37 công trình (trong đó: Cấp huyện làm chủ đầu tư 4 công trình; giao cho cấp xã làm chủ đầu tư 33 công trình). Tiến độ thi công các công trình đến nay, các chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ và thi công xây dựng công trình theo kế hoạch. Tại thời điểm báo cáo chưa phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

UBND huyện Phú Bình đã trình HĐND huyện thông qua Kế hoạch vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 05/10/2022); ban hành Kế hoạch 4685/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 về việc giao kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Theo đó đã bố trí vốn đầy đủ theo kế hoạch đầu tư giai đoạn 2022-2025, không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản.

7. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

7.1. Quan điểm

Quan triệ̄t quan điể̄m: “*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là chiến lược, xây dựng nông thôn mới là căn bản, tái cơ cấu nông nghiệp là then chốt, người nông dân là chủ thể*” và “*Xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài, có điể̄m khởi đầu nhưng không có điể̄m kết thúc*”. Lựa chọn các đột phá xây dựng NTM: Đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, nâng cao thu nhập cho người dân; xây dựng môi trường cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn, nông thôn văn minh giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đẩy mạnh triển khai thực hiện xây dựng xóm NTM kiểu mẫu, xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu và đảm bảo tình hình an ninh trật tự trong tình hình mới để người dân thực sự được hưởng thành quả từ xây dựng NTM, góp phần đưa huyện Phú Bình trở thành một trong những cực tăng trưởng khu vực phía Nam của tỉnh.

7.2. Mục tiêu

- Giai đoạn 2023 - 2025 mỗi năm huyện Phú Bình có 02 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, lũy kế đến hết năm 2025 có 10 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 02 xã NTM kiểu mẫu và huyện Phú Bình đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền; đời sống vật chất, tinh thần người dân được nâng cao; môi trường cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp; nông thôn văn minh giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong xây dựng NTM thông minh; đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

7.3. Nội dung, giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

* Nội dung nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới tại các xã

- *Về quy hoạch*: Tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật đồ án quy hoạch xã theo đồ án quy hoạch chung đô thị huyện và quy hoạch tỉnh; thực hiện lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch.

- *Về hạ tầng kinh tế - xã hội*

Giao thông: Duy tu, bảo dưỡng hàng năm các tuyến đường; nâng cao tỷ lệ cứng hóa bê tông đường nội đồng, gắn với vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo quy hoạch; thường xuyên chỉnh trang hành lang an toàn giao thông; hoàn thiện hệ thống rãnh thoát nước, biển báo, biển chỉ dẫn đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đáp ứng tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

Thủy lợi: Thực hiện cứng hoá, nâng cấp, bảo trì công trình thủy lợi nhỏ, nội đồng đáp ứng tưới tiêu chủ động diện tích đất sản xuất nông nghiệp; làm tốt công tác kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi; nhân rộng mô hình tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước đối với cây trồng cạn chủ lực địa phương

Giáo dục và đào tạo: Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng theo quy định; đảm bảo duy trì 100% trường học các cấp đạt chuẩn, trong đó 25% số trường đạt chuẩn mức độ 2; quy hoạch quỹ đất mở rộng quy mô trường, lớp học; bổ sung trang thiết bị, dụng cụ để đáp ứng nhu cầu dạy và học thời gian tới; đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn về nhân sự thực hiện nhiệm vụ trong các trường học; nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn trong yêu cầu về trường chuẩn đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn; duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm GDNN-GDTX huyện; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ đạt trên 50%, đáp ứng lao động chất lượng cao phục vụ khu, cụm công nghiệp trong thời gian tới.

Cơ sở vật chất văn hóa: Tiếp tục có cơ chế hỗ trợ sửa chữa, cải tạo, mở rộng nhà văn hóa xã, xóm đảm bảo đạt chuẩn và đáp ứng yêu cầu sinh hoạt tương ứng với tổng số hộ dân; cải tạo, sửa chữa đảm bảo yêu cầu các phòng chức năng của trung

tâm văn hoá xã theo quy định. Đầu tư các trang thiết bị văn hóa, lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, khai thác sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa; nâng cao tỷ lệ người dân tập luyện thể thao thường xuyên đạt 50%.

- *Văn hóa, y tế, môi trường*

+ *Về văn hóa*: Nâng cao hiệu quả Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; duy trì tỷ lệ trên 90% gia đình văn hóa; tỷ lệ trên 90% khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa; bảo tồn và phát huy các điểm di tích lịch sử văn hóa và các lễ hội gắn với việc hình thành các tua du lịch tâm linh, du lịch cộng đồng gắn xây dựng nông thôn mới. Xây dựng các mô hình du lịch cộng đồng theo tiêu Bộ tiêu chí OCOP gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa; tăng cường quảng bá du lịch qua Internet, mạng xã hội,...

+ *Về y tế*: Duy trì tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 99%; duy trì và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; thực hiện quản lý sức khỏe cho người dân thường trú trên địa bàn cấp xã; hỗ trợ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám bệnh từ xa và sử dụng sổ khám bệnh điện tử; làm tốt công tác kiểm soát, không để tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người xảy ra trên địa bàn; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, chiều cao theo tuổi dưới 10%.

+ *Về môi trường*: 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Thường xuyên duy trì thực hiện tốt việc phân loại rác thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định và thực hiện đảm bảo lịch trình thu gom, xử lý rác hàng ngày theo đúng phương án đã xây dựng, đảm bảo không để tồn đọng rác gây ô nhiễm môi trường tại điểm tập kết; xử lý hiệu quả tại nguồn đối với các chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu thân thiện với môi trường và các chất thải tái chế, tái sử dụng được phân loại ngay tại nguồn phát sinh đồng thời có biện pháp thu gom để tái chế, tái sử dụng, không gây ô nhiễm môi trường. Tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp đỡ chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án xây dựng cơ sở xử lý rác thải tại khu quy hoạch thuộc xã Tân Thành. Duy trì thường xuyên công tác vệ sinh môi trường, đường làng ngõ xóm, trồng cây xanh đảm bảo sáng xanh sạch đẹp, an toàn. Tuyên truyền vận động nhân dân nhân trên địa bàn huyện thực hiện người chết sử dụng hình thức hỏa táng,...

Duy trì tỷ lệ 100% hộ nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; trong giai đoạn 2021-2025, hoàn thành xây dựng thêm các công trình cấp nước tập trung liên xã đặt tại các xã với quy mô từ 5.000m³/ngày đêm trở lên; nâng tỷ lệ hộ nông thôn được sử dụng nước sạch đạt 70% từ công trình nước sạch tập trung.

Duy trì tỷ lệ cơ sở chăn nuôi có chuồng trại khép kín đảm bảo vệ sinh môi trường; tỷ lệ hộ gia đình có nhà tắm, nhà tiêu, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 100%.

+ Kinh tế và tổ chức sản xuất

Củng cố, nhân rộng HTX nông nghiệp liên kết có hiệu quả; nhân rộng mô hình liên kết theo chuỗi gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm tại các xã; mỗi xã phấn đấu có 01 sản phẩm OCOP cấp tỉnh; xây dựng, nhân rộng vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao sản xuất theo chuỗi liên kết đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm; khuyến khích tăng cường sử dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế nông nghiệp, tăng cường sử dụng và quản lý bằng mã số, mã vạch đối với sản phẩm nông nghiệp và vùng sản xuất; tăng cường hỗ trợ cho các HTX xây dựng Website thương mại điện tử và bán sản phẩm trên sàn TMĐT.

+ Hệ thống chính trị, an ninh trật tự:

Tiếp tục đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức xã đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại các xã; duy trì xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; nhân rộng mô hình nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự, ban hành các nghị quyết chuyên đề về an ninh trật tự trong các khu, cụm công nghiệp.

+ Thực hiện xóm NTM kiểu mẫu, xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu

Mỗi xã lựa chọn tối thiểu 01 xóm thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định của tỉnh; trọng tâm thực hiện nội dung về xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn, thực hiện phân loại rác thải ngay từ hộ gia đình, phát huy tinh đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển. Trên cơ sở Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025: Các xã rà soát, cập nhật theo yêu cầu Bộ tiêu chí xã NTM, đảm bảo 100% xã đạt các tiêu chí trong năm 2023; 100% xã xây dựng kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao, kiểu mẫu, đến năm 2025 có từ 10 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 2 xã NTM kiểu mẫu. Tập trung thực hiện các nội dung: Đẩy mạnh phát triển vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP; thực hiện tốt việc thu gom, phân loại xử lý rác thải, xây dựng cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp...

* Đối với việc nâng cao chất lượng tiêu chí cấp huyện và định hướng xây dựng huyện NTM nâng cao

Cập nhật đồ án quy hoạch đô thị theo đồ án quy hoạch tỉnh sau khi được Thủ tướng phê duyệt; đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội thiết yếu theo quy hoạch chung đô thị huyện đã được phê duyệt; 100% các tuyến đường huyện được duy tu thường xuyên, có đầy đủ hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, có đủ các hạng mục về an toàn giao thông theo quy định; tiếp tục đầu tư tuyến đường giao thông kết nối với đường vành đai V, khu, cụm công nghiệp; trồng cây xanh trên các tuyến đường huyện (đạt 50%); ngầm hóa đường điện tại các khu đô thị, khu dân cư mới; hệ thống thủy lợi đảm bảo an toàn, mỹ quan công trình; hình thành vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; có sản phẩm được đánh giá sản phẩm OCOP 5 sao. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý bằng lò đốt công nghệ đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý đúng quy định đạt 100%; hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải tại nguồn; nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng công nghệ phù hợp; xây dựng mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã, công trình xử lý nước thải tập trung; 100% khu, cụm công nghiệp hiện có có hệ thống xử lý nước thải; 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; giữ vững tình hình an ninh trật tự trên địa bàn huyện; dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trở lên.

Xây dựng Kế hoạch thực hiện huyện nông thôn mới nâng cao: Trên cơ sở Bộ tiêu chí huyện NTM và huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025 của Trung ương, Phú Bình xây dựng kế hoạch thực hiện Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025. Ưu tiên thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng giao thông; đẩy mạnh việc trồng cây, hệ thống điện chiếu sáng đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp; điện tích sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP, quy trình sản xuất hữu cơ - Organic; sản xuất trong nhà màng, nhà lưới ứng dụng công nghệ cao; xây dựng và phát triển các sản phẩm đặc trưng, tiềm năng gắn với Chương trình OCOP trên địa bàn huyện; khai thác, phát triển du lịch

* Một số giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

- *Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo:* Các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, Ban chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới quán triệt và thực hiện hiện Nghị quyết, chương trình, kế hoạch về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Thường xuyên kiện toàn BCD cấp huyện, cấp xã đến xóm. Phân công cụ thể cho các thành viên BCD, định kỳ hàng quý BCD các cấp tiến hành giao ban đánh giá hoạt

động, kết quả lãnh chỉ đạo; xây dựng lộ trình cụ thể để củng cố NTM, xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Thường xuyên kiểm tra, giám sát của cấp ủy, BCD, MTTQ và các đoàn thể đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng NTM.

Hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, phát hiện các mô hình làm tốt, cách làm mới có hiệu quả, phổ biến, nhân ra diện rộng. Khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, đồng thời phê bình, uốn nắn các tập thể, cá nhân nhất là người đứng đầu có tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thiếu tích cực trong thực hiện Chương trình xây dựng NTM.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền

Tập trung và tuyên truyền những thành quả đạt được trong xây dựng nông thôn mới. Tạo niềm tin, cổ vũ động viên nhân dân tiếp tục hăng hái thực hiện chương trình, coi xây dựng NTM là công việc lâu dài. Kiên trì nâng cao chất lượng tiêu chí, nâng cao đời sống nhân dân cùng với thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Tuyên truyền công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, BCD các cấp. Đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền, nâng cao chất lượng cả chiều sâu, bề rộng nhằm làm cho các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp hiểu và chủ động tham gia xây dựng NTM

- Tập trung phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án tái cơ cấu toàn ngành nông nghiệp huyện theo hướng sản xuất tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững.

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động, thành lập các HTX trong nông nghiệp, thực hiện chương trình OCOP. Rà soát đánh giá lại hoạt động của các làng nghề và có giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo mở rộng. Tiếp tục phát triển một số ngành nghề chế biến nông sản, đồ gỗ nội thất, xây dựng, vật liệu xây dựng. Tiếp tục quảng bá kêu gọi các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất tại địa phương.

- Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, xây dựng cảnh quan môi trường sáng – xanh - sạch - đẹp theo hướng đô thị hóa

Triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động các làng văn hóa. Phát huy, sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất văn hóa đã được đầu tư xây dựng. Tập trung vào việc xây dựng gia đình văn hóa, con người văn hóa có tri thức, đạo đức và trách nhiệm với cộng đồng, đất nước.

Nâng cao dân trí, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng giáo dục

mũi nhọn, chú trọng dạy nghề, đào tạo nghề cho lao động. Tăng cường bổ sung cơ sở vật chất đảm bảo duy trì, nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia.

Bổ sung trang thiết bị, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân đối với hệ thống cơ sở y tế. Vận động nhân dân tham gia mua bảo hiểm y tế, chăm lo công tác bảo vệ và xây dựng cảnh quan môi trường. Từng bước đầu tư xây dựng hệ thống rãnh thoát nước trong tất cả các khu dân cư; lát vỉa hè, làm đường điện chiếu sáng, trồng cây xanh những nơi có điều kiện. Tổ chức trồng cây, trồng hoa các tuyến đường, cơ quan công sở, nơi công cộng. Xây dựng các khu vui chơi công cộng, hệ thống ao, hồ, công viên cây xanh tại các xã nhằm nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, rà soát ban hành cơ chế hỗ trợ trong giai đoạn tới

Công cuộc xây dựng NTM, tiến tới xây dựng đô thị hóa nông thôn là lâu dài, ngoài nguồn vốn từ ngân sách các cấp, việc tiếp tục huy động nguồn lực trong dân là cần thiết, đây là nguồn lực to lớn nên từng xã, xóm phải có kế hoạch huy động cụ thể vừa sức dân và huy động từ các thành phần kinh tế để tiếp tục đầu tư củng cố, duy tu, bảo dưỡng, xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân, nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Việc huy động nguồn lực trong nhân dân phải tuân thủ tuyệt đối theo pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, chính quyền không được áp đặt mà phải khơi dậy lòng tự hào và tình yêu quê hương, ý chí tự lực, tự cường, tự nguyện của người dân, doanh nghiệp theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ", "lấy sức dân để lo cho dân". Đảm bảo tất cả các nguồn lực, các công trình xây dựng nông thôn mới đều có hiệu quả cao và thiết thực, không lãng phí.

Tiếp tục xây dựng cơ chế hỗ trợ phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và đô thị hóa nông thôn; chú trọng các cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất nâng cao đời sống nhân dân; hỗ trợ duy trì, bảo dưỡng, nâng cao chất lượng các tiêu chí về giao thông, thủy lợi, xây dựng trường chuẩn, xã chuẩn quốc gia về y tế, cơ sở vật chất và các thiết chế văn hóa ở cơ sở,...

- Quốc phòng - An ninh

Xây dựng lực lượng công an, quân sự vững mạnh từ huyện đến xã, phối hợp chặt chẽ giữa Công an, Quân sự trong xây dựng cơ sở vững mạnh làm chủ. Thường xuyên thực hiện có hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, không để sự gia tăng của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường hiệu quả công tác quản

lý Nhà nước về an ninh trật tự, đảm bảo an ninh, trật tự nông thôn luôn được duy trì, giữ vững. Hoàn thành nhiệm vụ quân sự, quốc phòng hằng năm của huyện và các xã, thị trấn.

Với những kết quả và kinh nghiệm đạt được trong hơn 10 năm qua, trong thời gian tới phát huy thành tích đã đạt được, kiên quyết khắc phục những tồn tại, hạn chế trong xây dựng NTM. Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân huyện Phú Bình quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách, phấn đấu thực hiện thắng lợi Chương trình MTQG xây dựng NTM ở giai đoạn tiếp theo và sớm trở thành đô thị trong những năm tới.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ cấp huyện: Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình đã có đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2, điều 12, Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

2. Về hiệu quả hoạt động của Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới huyện Phú Bình

Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; Tham mưu giúp Ban Chỉ đạo huyện đề ra giải pháp tháo gỡ khó khăn; chủ động đề xuất Ban Chỉ đạo huyện tham mưu UBND huyện ban hành các cơ chế hỗ trợ xóm, xã, huyện phấn đấu đạt chuẩn; tham mưu xây dựng kế hoạch Chương trình; thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; kịp thời tổng hợp báo cáo tình hình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; thực hiện tốt các nội dung liên quan đến công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới và đào tạo cán bộ cấp cơ sở thực hiện Chương trình...

3. Về số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới: 19/19 xã đạt 100% (Đạt điều kiện quy định).
- Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 5/19 xã đạt 26,3% (Vượt điều kiện quy định).
- Thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 01/01 thị trấn đạt 100% (Đạt điều kiện quy định).

4. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã

19/19 xã trên địa bàn huyện đều đạt chuẩn các nội dung: về quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch; xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu; phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân; về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường; về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và giữ gìn an ninh trật tự xã hội.

5. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí huyện nông thôn mới

Đạt yêu cầu so với Quyết định số 320/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí NTM cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025.

6. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

Tính đến tháng 12/2022 huyện Phú Bình không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM.

III. KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào kết quả thực hiện, đối chiếu với quy định tại Quyết định số 320/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí NTM cấp huyện giai đoạn 2021 - 2025. UBND tỉnh đã tiến hành thẩm tra, lập hồ sơ đề nghị xét công nhận theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025. UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện Phú Bình đạt chuẩn nông thôn mới./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng điều phối NTM Trung ương;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc VN tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- VP ĐP CTXDNTM tỉnh;
- UBND huyện Phú Bình;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THĂM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ
HUYỆN NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2022
đối với huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
1	Quy hoạch	<p>1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn</p> <p>1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt</p>	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	100%	Đạt	Đạt
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	≥50%	52,08%	Đạt	Đạt
		2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh	
5	Văn hóa - Y tế - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	≥60%	100%	Đạt	Đạt	
		5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1	Cấp độ 2	Đạt	Đạt	
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn	Có khu công nghiệp	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
			Có cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật	Đạt	Đạt		
			Có cụm ngành nghề nông thôn	Đạt	Đạt		
		6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt	Kết quả thực hiện	Kết quả đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 40\%$	87.50%	Đạt	Đạt
		7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	≥ 01 mô hình	01 mô hình	Đạt	Đạt
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	≥ 01 công trình	01 công trình	Đạt	Đạt
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2m^2$ /người	5,47 m^2 /người	Đạt	Đạt
		7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	77.10%	Đạt	Đạt
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%	100%	Đạt	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của huyện	Kết quả thẩm tra của tỉnh
8	Chất lượng môi trường sông	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥12%	12.22%	Đạt	Đạt
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥35%	55.55%	Đạt	Đạt
		8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	Đạt	Đạt
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100	Đạt	Đạt
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Không	Đạt	Đạt	Đạt
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt